



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

9

Tháng 5 - 2015

# **ĐOÀN CÔNG TÁC BAN CHỈ ĐẠO ĐỀ ÁN “ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP” LÀM VIỆC VỚI BỘ XÂY DỰNG**

**Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2015**



Phó Trưởng ban Nội chính Trung ương Phạm Anh Tuấn và Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng chủ trì buổi làm việc



Toàn cảnh buổi làm việc

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI SÁU**

**9**

**SỐ 9 - 5/2015**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## **MỤC LỤC**

### **Văn bản quản lý**

#### **Văn bản các cơ quan TW**

- Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng 5
- Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu 8

#### **Văn bản của địa phương**

- Quảng Ngãi ban hành Quy chế về đầu tư - xây dựng và quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh 12
- Tây Ninh ban hành Quy định cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh 14

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

### **ĐỖ HỮU LỰC**

**Phó giám đốc Trung tâm**

**Thông tin**

#### **Ban biên tập:**

CN. BẠCH MINH TUẤN  
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN  
CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN  
CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC  
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH  
ThS. PHẠM KHÁNH LY

## **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiệm thu Nhiệm vụ: Điều tra, khảo sát và đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị - Giai đoạn 3 16
- Nghiệm thu Dự thảo TCVN ...:2015 “Bê tông phun - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” 17
- Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu chế tạo bê tông đặc biệt nặng tự lèn trong môi trường biển” 19
- Nghiệm thu đề tài biên soạn Tiêu chuẩn “Vật liệu dán tường dạng cuộn - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” 20
- Bê tông công nghệ nano - vật liệu xây dựng trong tương lai 21
- Đặc điểm mới trong phát triển ngành Xây dựng Trung Quốc dưới bối cảnh đô thị hóa kiểu mới 24
- Những yếu tố ảnh hưởng cơ bản tới công tác thiết kế đô thị trên biển 26

## **Thông tin**

- Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2015 32
- Đoàn công tác Ban Chỉ đạo Đề án “Đổi mới và nâng cao hiệu quả giám định tư pháp” làm việc với Bộ Xây dựng 34
- Cuộc họp lần thứ II Ban Điều phối Dự án hạ tầng kỹ thuật “Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị ở Việt Nam” 35
- Hội nghị về thực hiện quy chế dân chủ ở doanh nghiệp 37
- Nội hàm về văn hóa trong xây dựng quy hoạch xây dựng đô thị 38
- Thượng Hải hoàn thiện hệ thống cung ứng nhà ở 40
- Nâng cao và thay đổi mô hình tiếp thị, thúc đẩy việc nâng cấp các doanh nghiệp xây dựng 43
- Điểm nổi bật trong cải cách và tình hình phát triển ngành Xây dựng thành phố Dương Châu - tỉnh Giang Tô - Trung Quốc 45

## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng**

Ngày 06/5/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Theo Nghị định này, lập quy hoạch xây dựng vùng phải đảm bảo nguyên tắc: Các vùng liên tỉnh (bao gồm cả vùng đô thị lớn), vùng chức năng đặc thù, vùng dọc tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế liên tỉnh được lập quy hoạch xây dựng vùng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng, phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo phân bổ nguồn lực quốc gia có hiệu quả. Các vùng tỉnh được lập quy hoạch xây dựng vùng làm cơ sở lập quy hoạch xây dựng vùng huyện, vùng liên huyện, quy hoạch chung các đô thị và quy hoạch xây dựng các khu chức năng đặc thù trong tỉnh. Các vùng liên huyện trong một tỉnh, các vùng huyện được lập quy hoạch xây dựng vùng theo quyết định của UBND cấp tỉnh, trên cơ sở đề xuất của Sở Xây dựng các tỉnh (Sở Quy hoạch - Kiến trúc các thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh), đáp ứng yêu cầu quản lý, làm cơ sở lập quy hoạch xây dựng các khu chức năng đặc thù, các quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chung các đô thị thuộc huyện. Quy hoạch xây dựng chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật vùng liên tỉnh, vùng tỉnh để cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, vùng tỉnh. Việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Nội dung đồ án quy hoạch xây dựng vùng phải đảm bảo đáp ứng nhiệm vụ quy hoạch được duyệt và các yêu cầu cụ thể sau: Phân

tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng; đánh giá, rà soát việc thực hiện các quy hoạch đang có hiệu lực; xác định mục tiêu phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng; dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỉ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển 10 năm, 20 năm; xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo mục tiêu phát triển; định hướng phát triển không gian vùng (đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng; xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển; phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển; xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn; phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội; phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan trong vùng); định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng; đánh giá môi trường chiến lược. Thời gian lập đồ án quy hoạch đối với vùng liên tỉnh không quá 18 tháng, đối với vùng tỉnh không quá 15 tháng, đối với các vùng khác không quá 12 tháng.

Nghị định này quy định nguyên tắc lập quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù như sau: Các khu chức năng đặc thù trong và ngoài đô thị được thực hiện lập quy hoạch xây dựng theo quy định tại Nghị định này. Các khu chức năng đặc thù có quy mô trên 500 ha, được lập quy hoạch chung xây dựng, đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch đô thị; làm cơ sở lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng. Các khu vực trong



khu chức năng đặc thù hoặc các khu chức năng đặc thù có quy mô dưới 500 ha, theo yêu cầu quản lý và phát triển, được lập quy hoạch phân khu xây dựng làm cơ sở xác định các dự án đầu tư xây dựng và lập quy hoạch chi tiết xây dựng. Các khu vực trong khu chức năng đặc thù, khi thực hiện đầu tư xây dựng thì lập quy hoạch chi tiết xây dựng để cụ thể hóa quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 5 ha (nhỏ hơn 2 ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì tiến hành lập dự án đầu tư xây dựng mà không phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng. Bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, giải pháp về hạ tầng kỹ thuật trong nội dung thiết kế cơ sở phải phù hợp với quy hoạch phân khu xây dựng hoặc giấy phép quy hoạch; đảm bảo việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với không gian kiến trúc khu vực.

Tùy thuộc vào từng khu chức năng đặc thù, nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù phải đáp ứng nhiệm vụ quy hoạch được duyệt và các yêu cầu cụ thể sau: Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng kinh tế xã hội, dân số, lao động, văn hóa, sử dụng đất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường và những yếu tố đặc thù của khu vực; đánh giá tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch, các dự án đã có, đang còn hiệu lực; xác định, làm rõ các định hướng trong quy hoạch ngành có liên quan; xác định mục tiêu, động lực phát triển các khu chức năng đặc thù; dự báo về dân số, lao động, quy mô đất xây dựng, các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn; định hướng quy hoạch sử dụng đất, xác định phạm vi, quy mô, các chỉ tiêu sử dụng đất trong khu chức năng đặc thù theo yêu cầu phát triển từng giai đoạn; định hướng phát triển không gian (xác định mô hình phát triển, hướng phát triển của khu chức năng đặc thù; định hướng và nguyên tắc phát

triển đối với các khu vực chức năng; tổ chức hệ thống trung tâm phù hợp với phát triển các khu dân cư và các khu vực chức năng; xác định các khu vực kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, hệ thống quản trường, khu vực cửa ngõ, công trình điểm nhấn của khu chức năng đặc thù; đề xuất, minh họa hình ảnh không gian chính cho khu chức năng đặc thù, giải pháp tổ chức không gian các khu vực trọng điểm và quy định kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan các khu vực); định hướng hạ tầng kỹ thuật (phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước; vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước; xác định cốt xây dựng cho toàn khu và từng phân khu chức năng; xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đối nội, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính và hệ thống hào, tuynel kỹ thuật; tính toán nhu cầu và xác định nguồn cung cấp nước, năng lượng; dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn, xác định vị trí, quy mô công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối chính của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông thụ động, thoát nước và công trình xử lý nước thải; xác định vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác); đánh giá môi trường chiến lược. Thời gian lập đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù không quá 12 tháng.

Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù phải làm rõ tính chất, chức năng, các yêu cầu riêng của khu vực lập quy hoạch, đáp ứng nhiệm vụ quy hoạch được duyệt và các yêu cầu cụ thể sau: Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng đất xây dựng, dân cư, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; phân tích các quy định của quy hoạch chung xây dựng có liên quan đến khu vực quy hoạch; đánh giá các dự án, các quy hoạch đã và đang triển khai trong khu vực; xác định quy

mô dân số, chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch; chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo chức năng đặc thù; quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (xác định các phân khu trong khu vực quy hoạch, xác định chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình đối với từng lô đất, khoảng lùi công trình đối với các trục đường, vị trí, quy mô các công trình ngầm); tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng phân khu, trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn); định hướng hạ tầng kỹ thuật (xác định cốt xây dựng đối với từng ô phố; xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng, xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe, tuyến giao thông công cộng; xác định nhu cầu và nguồn cấp nước, vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước, mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật cụ thể; xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng, vị trí, quy mô các trạm điện phân phối, trạm khí đốt, mạng lưới đường dây trung thế và hệ thống chiếu sáng; xác định nhu cầu và công trình hạ tầng viễn thông thụ động; xác định tổng lượng nước thải và rác thải, mạng lưới thoát nước, vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải và nghĩa trang); đánh giá môi trường chiến lược; dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư, sơ bộ nhu cầu vốn và nguồn lực thực hiện. Thời gian lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù không quá 9 tháng.

Nội dung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng phải đảm bảo đáp ứng nhiệm vụ quy hoạch được duyệt và các yêu cầu cụ thể sau: Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, các quy định của quy hoạch chung, quy hoạch phân khu có liên quan đến khu vực lập quy hoạch; xác định quy mô dân số, chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội

và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực lập quy hoạch; quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; xác định chiều cao công trình, cốt sàn và chiều cao tầng một hoặc phần đế công trình cao tầng, hình thức kiến trúc, hàng rào, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình và các vật thể kiến trúc khác, tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn, cây xanh đường phố và mặt nước trong khu vực lập quy hoạch; quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; đánh giá môi trường chiến lược. Thời gian lập quy hoạch chi tiết xây dựng không quá 6 tháng.

Về nguyên tắc lập quy hoạch xây dựng nông thôn, Nghị định này quy định: Các xã phải được lập quy hoạch chung xây dựng để cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, vùng huyện, làm cơ sở xác định các dự án đầu tư và lập quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn. Các khu vực dân cư nông thôn được xác định trong quy hoạch chung đô thị thì thực hiện việc lập quy hoạch xây dựng nông thôn theo quy định tại Nghị định này. Các điểm dân cư nông thôn, khi thực hiện đầu tư xây dựng thì phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng để cụ thể hóa quy hoạch chung và làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng. Yêu cầu về nội dung nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã: Vị trí, phạm vi ranh giới xã, mục tiêu và thời hạn quy hoạch; dự báo sơ bộ về quy mô dân số, lao động, đất đai; các nguyên tắc cơ bản đối với việc phân tích, đánh giá hiện trạng; rà soát các dự án và quy hoạch trong địa bàn xã đang còn hiệu lực; xác định các yếu tố tác động đến phát triển kinh tế xã hội của xã; yêu cầu về tổ chức không gian tổng thể toàn xã, tổ chức phân bố các khu chức năng, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật; danh mục, số lượng hồ sơ, sản phẩm, tiến độ và tổ chức thực hiện; tổng dự toán chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã.

Đối với quy hoạch chung xây dựng xã, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch gồm các nội dung chủ yếu: Ranh giới, phạm vi, tính chất xã; kiểm soát không gian, kiến trúc các phân khu

chức năng và công trình trọng điểm; chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường trục chính xã, liên thôn xóm, trục chính thôn xóm, cốt xây dựng khống chế; khu vực cấm xây dựng, phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật, biện pháp bảo vệ môi trường; khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan.

Cũng theo Nghị định này, các đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải được lập kế hoạch để thực hiện quy hoạch. Bộ Xây dựng chủ trì lập và phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh thuộc trách nhiệm mình tổ chức lập; chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. UBND cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng lập và phê duyệt kế hoạch thực hiện quy

hoạch xây dựng đối với các đồ án thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong ranh giới hành chính do mình quản lý. UBND các cấp có trách nhiệm lập và phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng đối với các đồ án thuộc thẩm quyền của mình phê duyệt.

Giấy phép quy hoạch được cấp cho các chủ đầu tư có đủ điều kiện năng lực thực hiện đầu tư xây dựng dự án. Thời hạn của giấy phép quy hoạch đối với dự án xây dựng công trình tập trung tối đa không quá 24 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép quy hoạch đến khi phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng. Thời hạn của giấy phép quy hoạch đối với dự án xây dựng công trình riêng lẻ tối đa không quá 12 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép quy hoạch đến khi phê duyệt dự án đầu tư.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/6/2015.

**(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu**

Ngày 24/4/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/NĐ-CP quy định về quản lý chất thải và phế liệu.

Nghị định này quy định về quản lý chất thải bao gồm chất thải nguy hại, chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường, sản phẩm thải lỏng, nước thải, khí thải công nghiệp và các chất thải đặc thù khác; bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu. Nghị định này không quy định về quản lý chất thải phóng xạ, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ. Việc thu gom, vận chuyển chất thải từ khu phi thuế quan, khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất và nội địa được thực hiện thống nhất như đối với chất thải ngoài khu phi thuế quan, khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất theo quy định tại Nghị định này.

Theo Nghị định này, về nguyên tắc chung

quản lý chất thải, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tăng cường áp dụng các biện pháp về tiết kiệm tài nguyên và năng lượng, sử dụng tài nguyên, năng lượng tái tạo và sản phẩm, nguyên liệu, năng lượng sạch thân thiện với môi trường; sản xuất sạch hơn; kiểm toán môi trường đối với chất thải và các biện pháp khác để phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng. Việc đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải phải tuân thủ theo quy định pháp luật về xây dựng và pháp luật bảo vệ môi trường có liên quan. Nước thải phải được thu gom, xử lý, tái sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để tái sử dụng hoặc xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi



trường. Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường tại cơ sở phát sinh trước khi thải ra môi trường. Nhà nước khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải và thu hồi năng lượng từ chất thải. Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải có trách nhiệm nộp phí, giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật. Khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường. Việc sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải phải tuân theo quy định của pháp luật.

Theo Nghị định này, việc phân định chất thải nguy hại được thực hiện theo mã, danh mục và ngưỡng chất thải nguy hại. Các chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp. Được sử dụng chung bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đối với các mã chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp. Chất thải nguy hại phải được phân loại bắt đầu từ thời điểm đưa vào lưu giữ hoặc chuyển đi xử lý. Việc thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại chỉ được phép thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại. Các phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải được ghi trong Giấy phép xử lý chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và được sự chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Vận chuyển chất thải nguy hại phải theo lộ trình tối ưu về tuyến đường, quãng đường, thời gian,

bảo đảm an toàn giao thông và phòng ngừa, ứng phó sự cố, phù hợp với quy định của cơ quan thẩm quyền về phân luồng giao thông.

Nghị định này quy định, CTR sinh hoạt được phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý thành các nhóm sau: Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật); nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế (nhóm giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh); nhóm còn lại. CTR sinh hoạt sau khi được phân loại được lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp. Việc phân loại CTR sinh hoạt phải được quản lý, giám sát, tuyên truyền và vận động tổ chức, cá nhân, hộ gia đình chấp hành theo quy định, bảo đảm yêu cầu thuận lợi cho thu gom, vận chuyển và xử lý. CTR sinh hoạt phải được thu gom theo tuyến để vận chuyển tới điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý CTR theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trên các đường phố chính, các khu thương mại, các công viên, quảng trường, các điểm tập trung dân cư, các đầu mối giao thông và các khu vực công cộng khác phải bố trí các thiết bị lưu chứa phù hợp và điểm tập kết CTR sinh hoạt. Các thiết bị lưu chứa CTR sinh hoạt phải có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu giữ. Các thiết bị lưu chứa tại các khu vực công cộng phải bảo đảm tính mỹ quan. Trong quá trình vận chuyển CTR sinh hoạt phải bảo đảm không làm rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi, nước rò rỉ.

Việc lựa chọn chủ đầu tư cơ sở xử lý CTR sinh hoạt theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và đấu thầu. Việc lựa chọn chủ xử lý CTR sinh hoạt để quản lý, vận hành cơ sở xử lý CTR sinh hoạt được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước tuân thủ theo quy định của pháp luật về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích. Trường hợp cơ sở xử lý CTR sinh hoạt được đầu tư ngoài ngân sách thì chủ đầu tư trực tiếp quản lý, vận hành cơ sở xử lý CTR do mình đầu tư hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác làm chủ xử lý CTR sinh hoạt theo các quy định của pháp luật.

Việc phục hồi, tái sử dụng diện tích sau khi đóng bãi chôn lấp phải đáp ứng các yêu cầu sau: Trước khi tái sử dụng mặt bằng phải tiến hành khảo sát, đánh giá các yếu tố môi trường liên quan; trong thời gian chờ sử dụng lại mặt bằng bãi chôn lấp CTR sinh hoạt, việc xử lý nước rỉ rác, khí gas vẫn phải tiếp tục hoạt động bình thường; theo dõi sự biến động của môi trường tại các trạm quan trắc sau khi chấm dứt hoạt động của bãi chôn lấp CTR sinh hoạt. Chủ đầu tư, chủ xử lý CTR sinh hoạt có trách nhiệm xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường khi đóng bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 7, 8 Điều 21 của Nghị định này để phê duyệt trước khi đóng bãi chôn lấp. Đối với việc cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp CTR sinh hoạt sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương phải trình phương án cho Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp. Ngay sau khi đóng bãi chôn lấp CTR sinh hoạt phải tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường và cảnh quan khu vực đồng thời có các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tổ chức giám sát môi trường định kỳ, theo dõi diễn biến môi trường tại bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đã đóng ít nhất 5 năm kể từ ngày đóng bãi chôn lấp. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải được báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về môi trường của địa phương.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTR sinh hoạt theo quy hoạch được phê duyệt; phương pháp lập, quản lý chi phí và phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTR sinh hoạt; công bố định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt; suất vốn đầu tư xây dựng cơ sở xử lý CTR sinh hoạt; phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu về CTR sinh hoạt, quản lý, khai thác, trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý CTR sinh hoạt.

CTR công nghiệp thông thường phải được

phân định, phân loại riêng với chất thải nguy hại. Trường hợp không thể phân loại được thì phải quản lý theo quy định về chất thải nguy hại. Việc phân định, phân loại, lưu giữ CTR công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định. Việc thu gom, vận chuyển, trung chuyển CTR công nghiệp thông thường phải đảm bảo không được làm rơi vãi, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định. Các chủ xử lý chất thải nguy hại đã được cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được phép thu gom, vận chuyển CTR công nghiệp thông thường. Tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển CTR công nghiệp thông thường có trách nhiệm chuyển giao chất thải cho cơ sở xử lý CTR công nghiệp thông thường được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

Nước thải phải được quản lý thông qua các hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng, thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Việc xả nước thải phải được quản lý kết hợp cả theo địa giới hành chính và theo lưu vực. Tổ chức, cá nhân phát sinh nước thải phải nộp phí, giá dịch vụ xử lý nước thải theo quy định của pháp luật. Khuyến khích các hoạt động nhằm giảm thiểu, tái sử dụng nước thải. Các khu công nghiệp phải có hệ thống thu gom riêng nước mưa và hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm đủ công suất xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh của các cơ sở trong khu công nghiệp và phải được xây dựng, vận hành trước khi các cơ sở trong khu công nghiệp đi vào hoạt động. Các khu công nghiệp gần nhau có thể kết hợp sử dụng chung hệ thống xử lý nước thải tập trung. Các khu đô thị, khu dân cư tập trung, tòa nhà cao tầng, tổ hợp công trình dịch vụ, thương mại phải có hệ thống thu gom nước mưa và thu gom, xử lý nước thải theo quy hoạch và tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật. Việc xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh

doanh, dịch vụ vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm thống nhất theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hoặc theo các quy chuẩn kỹ thuật môi trường của địa phương. Các nguồn nước thải xả và nguồn tiếp nhận phải được điều tra, đánh giá thường xuyên. Việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận được quản lý phù hợp với sức chịu tải của môi trường nước và hạn ngạch xả nước thải theo quy định. Nước thải sau xử lý phải được thu gom cho mục đích tái sử dụng hoặc xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. Việc tái sử dụng nước thải sau xử lý phải tuân thủ các quy định cụ thể cho từng mục đích sử dụng. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý như sau: Bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Chương II Nghị định này; bùn thải không có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý CTR công nghiệp thông thường tại Chương IV Nghị định này.

Chất thải từ hoạt động y tế (trừ nước thải được đưa vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở y tế) phải được phân loại tại nguồn như sau: Chất thải y tế nguy hại bao gồm chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại không lây nhiễm (phân loại riêng theo danh mục và quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Chương II Nghị định này); chất thải phóng xạ (quản lý theo quy định về phóng xạ); chất thải y tế thông thường bao gồm CTR thông thường (kể cả CTR sinh hoạt), sản phẩm thải lỏng không nguy hại. Chất thải lây nhiễm phải được quản lý chặt chẽ, nghiêm ngặt với cấp độ cao nhất trong các cơ sở y tế, bảo đảm không phát tán mầm bệnh gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người. Trường hợp để lẫn chất thải lây nhiễm vào CTR sinh hoạt, chất thải thông thường thì hỗn hợp chất thải đó phải được quản lý theo quy định về chất thải nguy hại. Các cơ sở y tế căn cứ vào quy hoạch, yếu tố địa lý, điều kiện kinh tế và môi trường để lựa chọn áp dụng một

trong các phương án xử lý chất thải y tế nguy hại như sau: Cơ sở xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung hoặc cơ sở xử lý chất thải tập trung có hạng mục xử lý chất thải y tế; xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế (chất thải y tế của một cụm cơ sở y tế được thu gom và xử lý chung tại hệ thống, thiết bị xử lý của một cơ sở trong cụm); xử lý chất thải y tế nguy hại tại hệ thống, thiết bị xử lý trong khuôn viên cơ sở y tế. Xử lý chất thải y tế nguy hại ưu tiên lựa chọn các công nghệ không đốt, thân thiện với môi trường và bảo đảm việc xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; chất thải lây nhiễm sau khi khử khuẩn thì được xử lý như đối với chất thải thông thường bằng phương pháp phù hợp.

CTR từ hoạt động xây dựng (kể cả cải tạo, phá dỡ công trình, gọi chung là CTR xây dựng) phải được phân loại và quản lý như sau: Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp; đất đá, CTR từ vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa, bê tông, vật liệu kết dính quá hạn sử dụng) được tái chế làm vật liệu xây dựng hoặc tái sử dụng làm vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng hoặc chôn lấp trong bãi chôn lấp CTR xây dựng; CTR có khả năng tái chế như thủy tinh, sắt thép, gỗ, giấy, chất dẻo được tái chế, tái sử dụng. Hộ gia đình tại đô thị khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải có biện pháp thu gom, vận chuyển xử lý CTR xây dựng theo quy định. Hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom chất thải khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải thực hiện quản lý chất thải xây dựng theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và các nguồn nước mặt.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2015.

**(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

**VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG****Quảng Ngãi ban hành Quy chế về đầu tư - xây dựng và quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh**

Ngày 02/4/2015, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ban hành Quy chế về đầu tư - xây dựng và quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các Sở, ngành được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình, UBND các huyện và thành phố lập phương án đầu tư trung hạn (5 năm) và kế hoạch đầu tư hàng năm, danh mục dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ban Điều hành Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn của tỉnh để xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt. Dự án đầu tư các công trình cấp nước sạch tập trung thực hiện theo các văn bản quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành của Nhà nước.

Theo Quy chế này, công trình cung cấp nước sạch nông thôn được xây dựng bằng các nguồn vốn ngân sách Nhà nước, vốn đóng góp của người hưởng lợi và các nguồn vốn hợp pháp khác trong và ngoài nước đều phải tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch, dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng công trình. Đối với các dự án, công trình nước sạch nông thôn, có quy mô cung cấp nước sạch cho từ 500 hộ sử dụng trở lên, giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân tài trợ chính cho công trình làm chủ đầu tư. Đối với các dự án, công

trình cấp nước sạch nông thôn, có quy mô cung cấp nước sạch cho dưới 500 hộ sử dụng, giao UBND huyện làm chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân tài trợ chính cho công trình làm chủ đầu tư. Đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn nhỏ, lẻ do vốn ngân sách Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ một phần, giao cho UBND xã nơi hưởng lợi công trình làm chủ đầu tư.

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vốn, công sức để xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh các công trình cấp nước sạch ở nông thôn, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng di dân kinh tế mới, vùng đồng bào dân tộc ít người và các vùng khó khăn về nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch ở khu vực nông thôn được Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ theo quy định.

Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác, sử dụng công trình nước sạch nông thôn chịu trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng, bảo vệ công trình, đảm bảo nhu cầu về khối lượng, chất lượng nước sạch cung cấp cho người sử dụng.

Các công trình nước sạch nông thôn sau khi xây dựng hoàn thành, trường hợp chủ đầu tư giao cho UBND xã hoặc giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp khác quản lý, khai thác, sử dụng công trình thì chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ xây dựng, quy trình khai thác, vận hành và tập huấn quy trình khai thác, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình cho đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng công trình. Đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng

công trình phải được thành lập trước khi tổ chức thi công công trình để theo dõi, giám sát chất lượng công trình trong quá trình thi công, đảm bảo đưa vào khai thác sử dụng đạt hiệu quả.

Nội dung phân cấp cụ thể như sau: Đối với những công trình nước sạch nông thôn có quy mô cung cấp nước sạch cho từ 500 hộ trở lên sử dụng (trừ công trình ở miền núi) giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giao Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn trực tiếp tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng. Hoạt động của các trạm cấp nước thực hiện theo đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động. Đối với những công trình nước sạch nông thôn cung cấp nước sạch cho dưới 500 hộ thuộc phạm vi một xã sử dụng, giao UBND xã nơi hưởng lợi công trình quản lý hoặc giao cho đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, theo nguyên tắc tự trang trải thu, chi. Đối với những công trình nước sạch nông thôn cung cấp nước sạch cho dưới 500 hộ thuộc phạm vi nhiều xã sử dụng, giao UBND xã hoặc đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nơi đặt trạm điều hành công trình quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, theo nguyên tắc tự trang trải thu, chi. Đối với những công trình nước sạch nông thôn ở miền núi, giao cho UBND xã nơi hưởng lợi công trình tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng. Các hệ thống cấp nước sạch nối mạng vào nguồn nước khác, sau khi đầu tư hoàn thành giao tổ chức sở hữu công trình khai thác nước trực tiếp quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng công trình, cung cấp cho các đối tượng sử dụng. Các công trình cấp nước sạch nhỏ, lẻ giao cho các hộ gia đình hưởng lợi trực tiếp quản lý, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng. Đối với các công trình nước sạch nông thôn do các tổ chức, cá nhân đầu tư không sử dụng vốn ngân sách, chủ đầu tư trực tiếp quản lý, khai thác và được thu tiền sử dụng nước sạch theo Quy chế này, tự chịu trách nhiệm về quản lý,

vận hành, duy tu, bảo dưỡng. Đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn do tổ chức, cá nhân đầu tư không sử dụng vốn ngân sách mà chủ đầu tư tự nguyện hoặc thỏa thuận bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý, khai thác, sử dụng để phục vụ thì việc quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng công trình được thực hiện theo Quy chế này.

Giá nước sạch phải được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý trong quá trình sản xuất, phân phối nước sạch nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước. Giá nước sạch được xác định phù hợp với đặc điểm nguồn nước khai thác, điều kiện sản xuất của từng vùng, từng khu vực. Giá nước được xác định không phân biệt đối tượng sử dụng là tổ chức, cá nhân trong nước hay nước ngoài.

Đơn vị quản lý, khai thác công trình cung cấp nước sạch nông thôn căn cứ vào quy định của pháp luật, hồ sơ thiết kế kỹ thuật và đặc điểm của từng hệ thống công trình để lập phương án bảo vệ công trình và bảo vệ nguồn nước, trình UBND xã sở tại phê duyệt đối với công trình phục vụ cho một xã và UBND huyện phê duyệt đối với công trình phục vụ liên xã.

Tùy theo đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, điều kiện cụ thể về quy mô công trình, công nghệ xử lý nước, công nghệ cấp nước sạch có thể áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý, vận hành khai thác công trình: Hợp tác xã, Đơn vị sự nghiệp công lập, Doanh nghiệp, Đại diện cộng đồng dân cư. Các tổ chức có đủ điều kiện đều có thể tiếp nhận quản lý, vận hành, khai thác các công trình cung cấp nước sạch tập trung nông thôn theo các hình thức thỏa thuận, đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại  
[www.quangngai.gov.vn](http://www.quangngai.gov.vn))**



## **Tây Ninh ban hành Quy định cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh**

Ngày 15/4/2015, UBND tỉnh Tây Ninh đã có Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Theo Quy định này, đối tượng cấp phép xây dựng có thời hạn là công trình xây dựng, nhà ở thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ công trình tôn giáo, tín ngưỡng, tượng đài, tranh hoành tráng, công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế theo quy định.

Quy định về các khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt: Quy hoạch phân khu xây dựng bao gồm Quy hoạch phân khu đô thị được lập cho các khu vực trong thành phố, thị xã và đô thị mới theo Khoản 1 Điều 18 của Luật Quy hoạch đô thị và Quy hoạch phân khu xây dựng được lập cho khu chức năng đặc thù có quy mô dưới 500 ha theo Khoản 2 Điều 25 Luật Xây dựng. Các khu vực chưa có quy hoạch phân khu xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định nêu trên thì không được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn. Giấy phép xây dựng có thời hạn được cấp khi chủ đầu tư có nhu cầu và không cấp lại. Trường hợp quá 12 tháng không triển khai xây dựng công trình xây dựng, nhà ở thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng có thời hạn.

Theo Quy định này, điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng có thời hạn là: Công trình xây dựng, nhà ở thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 của Quy định này; phù hợp với mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư; phù hợp với quy mô công trình xây dựng, nhà ở xây dựng có thời hạn do UBND tỉnh quy định tại Điều 5 Quy định này và thời hạn tồn tại của công trình theo kế

hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt; bảo đảm an toàn cho công trình, nhà ở, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa, bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh; chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình xây dựng, nhà ở khi hết thời hạn tồn tại được ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế phá dỡ.

Đối với công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn phải đáp ứng điều kiện quy định nêu trên và các điều kiện sau: Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 82 Luật Xây dựng; hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình xây dựng có thời hạn quy định tại các Điều 95, 96 và 97 của Luật Xây dựng.

Đối với nhà ở được cấp phép xây dựng có thời hạn phải đáp ứng điều kiện nêu trên và các điều kiện sau: Thiết kế xây dựng nhà ở riêng lẻ được thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 79 Luật Xây dựng; hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đối với nhà ở riêng lẻ quy định tại Khoản 1 Điều 93 của Luật Xây dựng.

Thời hạn tồn tại của công trình xây dựng, nhà ở được cấp phép xây dựng có thời hạn được quy định theo kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Khi hết thời hạn mà quy hoạch phân khu xây dựng chưa được triển khai thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm thông báo cho chủ sở hữu công trình hoặc người được giao sử dụng công trình về điều chỉnh quy hoạch xây dựng và thực hiện

gia hạn giấy phép xây dựng có thời hạn. Đối với công trình, nhà ở riêng lẻ thuộc khu vực đã có quy hoạch phân khu xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thì không cấp giấy phép xây dựng có thời hạn cho việc xây dựng mới mà chỉ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn để sửa chữa, cải tạo.

Cũng theo Quy định này, các công trình theo tuyến cấp giấy phép xây dựng có thời hạn với quy mô cấp IV có tính chất, mục tiêu đầu tư phục vụ dân sinh. Công trình không theo tuyến có quy mô công trình cấp IV, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ; tránh lãng phí nên khuyến khích sử dụng vật liệu lắp ghép để thuận lợi trong tháo dỡ và tái sử dụng; đồng thời phải đảm bảo các yêu cầu cụ thể như sau: Đối với nhà ở, tầng cao không quá 2 tầng, tổng diện tích sàn nhỏ hơn 500 m<sup>2</sup>; đối với công trình, chiều cao công trình và chiều dài nhịp kết cấu không quá 12 m, tổng diện tích sàn nhỏ hơn 1.000 m<sup>2</sup>. Đối với công trình xây dựng, nhà ở hiện hữu thuộc đối tượng cấp phép xây dựng có thời hạn có sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, được xem xét cấp phép xây dựng có thời hạn như sau: Cấp phép xây dựng có thời hạn để xây dựng công trình, nhà ở với quy mô quy định nêu trên, trừ đối tượng quy định tại Khoản 5 Điều 4 Quy định này; cấp phép xây dựng có thời hạn để sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở

theo quy mô, diện tích hiện trạng mà không được coi nói, mở rộng; trước khi cấp phép xây dựng có thời hạn trong trường hợp quy định tại Điểm a và b khoản này, do công trình xây dựng, nhà ở chưa được Nhà nước đền bù, người sử dụng đất phải được xem xét, kiểm kê đất và tài sản trên đất để có cơ sở đền bù về sau khi Nhà nước tiến hành giải phóng mặt bằng, thu hồi đất để triển khai theo quy hoạch được duyệt.

Đối với các khu đất trống không phù hợp quy hoạch phân khu xây dựng, đã có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất (có mục đích sử dụng đất không phù hợp xây dựng công trình, nhà ở), nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để triển khai thực hiện theo quy hoạch thì được xét cấp giấy phép xây dựng có thời hạn để đầu tư xây dựng các công trình phục vụ sinh hoạt cộng đồng như sân thể thao, sân chơi dành cho thiếu nhi, lắp đặt các thiết bị phục vụ thể dục thể thao ngoài trời, các công trình phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao khác do UBND các huyện, thành phố quyết định, với quy mô 1 tầng (trệt, tường gạch, mái tôn). Chủ đầu tư phải có cam kết tự tháo dỡ không điều kiện khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để triển khai thực hiện theo quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại [www.tayninh.gov.vn](http://www.tayninh.gov.vn))**

## **Nghiệm thu Nhiệm vụ: Điều tra, khảo sát và đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị - Giai đoạn 3**

Ngày 05/5/2015, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu Nhiệm vụ “Điều tra, khảo sát và đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị - Giai đoạn 3”. Đề tài do Viện Quy hoạch Môi trường Hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn (Viện Quy hoạch đô thị - nông thôn Quốc gia VIUP) chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo về các kết quả nghiên cứu, thay mặt nhóm tác giả, ThS. Nguyễn Việt Dũng cho biết: Một trong những nhiệm vụ quan trọng Bộ Xây dựng được giao tại Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH là: đánh giá tác động của BĐKH tới hạ tầng kỹ thuật (HTKT) tại các đô thị (bao gồm mật độ dân số, hạ tầng cao, các hoạt động phát triển kinh tế xã hội) nhằm trợ giúp cơ quan quản lý nhà nước TW và địa phương có kế hoạch hành động ưu tiên ứng phó với BĐKH và nước biển dâng trong xây dựng, quy hoạch HTKT đô thị trước những thách thức ngày càng gia tăng của BĐKH. Tích cực thực hiện nhiệm vụ nêu trên, Bộ Xây dựng đã giao Viện thực hiện đề tài với mục tiêu rà soát, đánh giá hiện trạng HTKT các đô thị; đánh giá tác động của BĐKH tới hệ thống HTKT đô thị theo các kịch bản BĐKH và nước biển dâng của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời đề xuất các giải pháp ứng phó với BĐKH cho hệ thống này.

Qua điều tra, khảo sát tại các địa phương thí điểm: Bát Xát (Lào Cai), Sầm Sơn (Thanh Hóa), Hòa Vinh (Phú Yên), Kon Tum (Kon Tum) và Trần Đề (Sóc Trăng) theo 05 tiêu chí



*Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu*

(nền xây dựng, hệ thống hạ tầng cấp nước, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, hệ thống hạ tầng giao thông, hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn), nhóm tác giả đã tổng hợp và đưa ra những đánh giá rất cụ thể về hiện trạng HTKT của từng thị trấn trước các tác động của BĐKH. Đối với thị trấn Bát Xát, đây là một đô thị vùng núi phía Bắc chịu nhiều lũ quét (thường xảy ra từ tháng Năm đến tháng Mười hàng năm), ảnh hưởng rõ rệt tới hạ tầng và trang thiết bị của nhà máy nước; đặc biệt gia tăng độ đục và các chất ô nhiễm vào nguồn nước thô cung cấp cho nhà máy từ suối Tà Ngào. Do mạng cấp nước, các công trình đầu mối đều nằm trong khu vực chịu rủi ro sạt lở đất mà chưa có biện pháp bảo vệ hữu hiệu nên tính tổn thương của HTKT rất cao trước tác động của BĐKH. Thị trấn Trần Đề (Sóc Trăng) thuộc vùng ĐBSCL là địa bàn thường xuyên xảy ra ngập lụt, xâm nhập mặn và sạt lở bờ sông Hậu. Nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm bị hạn chế do tình trạng nhiễm mặn vào mùa khô; nhiều tuyến đường, công trình hạ tầng giao thông luôn bị ảnh hưởng từ lũ lụt, triều cường. Thị xã Sầm Sơn (Thanh Hóa) là đô thị duyên hải Bắc Trung bộ, do ảnh hưởng của bão lũ (5 - 7 trận bão và áp

thấp nhiệt đới mỗi năm); sạt lở bờ sông bờ biển; xâm nhập mặn nên hệ thống HTKT cũng chưa thể đáp ứng về chất lượng...

Từ các đánh giá trên, nhóm tác giả kiến nghị một số giải pháp ứng phó cho các đô thị ở Việt Nam, có tính tới đặc điểm vùng miền. Đồng thời, nhóm cũng tổng hợp mức độ tác động của BĐKH tới HTKT các đô thị Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu các đô thị thí điểm qua hai giai đoạn trước, và kiến nghị các giải pháp ứng phó theo từng phân vùng. 15 đô thị thí điểm qua cả 03 giai đoạn được phân vùng như sau: vùng Bắc bộ (vùng trung du và miền núi phía Bắc; vùng đồng bằng Bắc bộ), vùng duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên, vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Các kiến nghị giải pháp - ngoài nhóm giải pháp về quy hoạch và kế hoạch, về kỹ thuật thiết kế xây dựng, quản lý vận hành hệ thống HTKT đô thị - nhóm giải pháp về tăng cường năng lực, cơ chế chính sách ở cấp quốc gia và cấp chính quyền đô thị địa phương cũng được các tác giả đề cập tới trong đề tài.

Theo nhận xét chung của toàn Hội đồng, khối lượng công việc mà nhóm tác giả đã hoàn thành rất lớn, số liệu phong phú cho 15 địa

phương trải rộng khắp đất nước. Đặc biệt, Hội đồng ghi nhận việc lựa chọn thí điểm hợp lý, bởi đây đều là những địa bàn nằm trong vùng ảnh hưởng hoặc có khả năng chịu ảnh hưởng rất lớn từ BĐKH và nước biển dâng, thuộc vùng ven biển cửa sông, vùng đồng bằng ngập lũ hoặc vùng núi chịu tác động của sạt lở, lũ quét. Tuy nhiên, Hội đồng nhận định đề tài tương đối khó, phạm vi nghiên cứu rộng, do đó những thiếu sót trong quá trình thực hiện khó tránh khỏi. Để giúp các tác giả khắc phục một số sai sót, hoàn chỉnh đề tài, Hội đồng đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực về bố cục, nội dung, bảng biểu, về tiêu chí đánh giá, phương pháp và cơ sở lựa chọn địa phương thí điểm...

Tổng hợp các ý kiến của Hội đồng, TS. Nguyễn Trung Hòa đánh giá cao nỗ lực của nhóm đề tài; đề nghị khẩn trương hoàn chỉnh báo cáo kèm giải trình tiếp thu các ý kiến của Hội đồng trước tháng 6/2015.

Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

## **Nghiệm thu Dự thảo TCVN ...:2015 “Bê tông phun - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử”**

Ngày 07/5/2015, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng họp nghiệm thu Dự thảo TCVN ...: 2015 “Bê tông phun - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” do Hội Bê tông Việt Nam chủ trì thực hiện. TS. Lê Trung Thành - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo TS. Nguyễn Quang Hiệp (Hội Bê tông Việt Nam), bê tông phun là bê tông được phun bằng khí nén với tốc độ cao lên bề mặt thi công trong các công trình xây dựng. Với các đặc tính kỹ thuật vượt trội, bê tông phun được sử dụng để tạo lớp áo chống thấm phía bên ngoài các công trình ngầm; thay thế hay làm mới lớp bê

tông bảo vệ để chống ăn mòn cho cốt thép trong các kết cấu bê tông cốt thép; tạo lớp bê tông gia cố hoặc bảo vệ kết cấu tường, trần của các đường hầm, ta luy, mái dè đập, silo, các dầm cột...

Những năm gần đây, tại Việt Nam, số lượng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện gia tăng, nhu cầu sử dụng bê tông phun cũng tăng cao. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn quốc gia hay chỉ dẫn thiết kế và thi công bê tông phun chưa được ban hành. Điều này khiến các đơn vị thiết kế, nhà thầu thi công gặp nhiều trở ngại trong công tác thi công và nghiệm thu bê tông phun. Do đó, biên soạn tiêu chuẩn Việt Nam về bê





*Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu*

tông phun nhằm giúp quá trình thiết kế và thi công bê tông phun thuận lợi, góp phần nâng cao chất lượng các công trình xây dựng là vô cùng cần thiết.

Trên cơ sở tham khảo các nội dung chính của BS EN 14487-1:2005 và BS EN 14487-2:2005 (tiêu chuẩn của Anh về bê tông phun), kết hợp với một số tài liệu khác như JSCE (tiêu chuẩn của Nhật), ASTM C260, ASTM C494 (tiêu chuẩn của Mỹ), các TCVN về lĩnh vực liên quan, và căn cứ vào các số liệu cấp phối bê tông thực tế do Tổng Công ty xây dựng Sông Đà cung cấp, nhóm nghiên cứu đã xây dựng Dự thảo tiêu chuẩn với đầy đủ nội dung của một văn bản quy phạm: phạm vi áp dụng, tài liệu viện dẫn, thuật ngữ định nghĩa, các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, và các Phụ lục đi kèm. Tiêu chuẩn sẽ áp dụng cho bê tông phun ướt và phun khô sử dụng để gia cố vách hầm, đường dẫn nước của công trình thủy điện, taluy và sửa chữa các kết cấu.

Trong phần các yêu cầu kỹ thuật, Dự thảo đã đề ra yêu cầu đối với vật liệu (các nguyên vật liệu của bê tông phun có một số chỉ tiêu khác so với bê tông thường); yêu cầu đối với xi măng, cốt liệu, phụ gia, nước và cốt sợi phân tán (có xét tới thực tế tại Việt Nam hiện nay, việc sử dụng sợi thép và sợi polyme cho bê tông còn khá hạn chế). Dự thảo cũng đưa ra các yêu cầu đặc tính của bê tông phun, trong đó nêu bật đặc tính quan trọng của bê tông

phun là cường độ và thời gian kết cứng.

Về phương pháp thử, TS. Hiệp cho biết: Do phương pháp thi công bê tông phun là phun bắn, nên ngoài việc xác định các tính chất như bê tông thông thường còn cần xác định thêm một số các tính chất khác như hàm lượng vữa rơi, phương pháp tạo mẫu thí nghiệm bê tông phun. Do đó tại nội dung này, các đặc tính của bê tông phun đã được xác định theo TCVN, còn thí nghiệm xác định hàm lượng vữa rơi và phương pháp tạo mẫu được đưa ra ở các Phụ lục dựa theo JSCE-F 561-2005 và JSCE-F563-2005. Các phương pháp thử nêu ra trong Dự thảo bao gồm khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông phun; cường độ nén và chuẩn bị mẫu thí nghiệm cường độ nén; xác định thời gian và cắt mẫu bê tông đã phun trên cấu trúc thực hay khuôn panel; cường độ tuổi sớm.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đánh giá cao sự nghiêm túc, phương pháp biên soạn khoa học của nhóm biên soạn. Để Dự thảo được hoàn thiện, sớm đi vào thực tiễn xây dựng ở Việt Nam, Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến xác đáng về cách trình bày, bố cục, văn phong; về những nội dung nên lược bỏ hoặc nghiên cứu chỉnh sửa cho phù hợp điều kiện của nước ta.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng - TS. Lê Trung Thành nhất trí với các ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng, lưu ý nhóm tác giả hoàn chỉnh Dự thảo trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp, để TCVN...:2015 “Bê tông phun - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” sớm được ban hành, là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các nhà xây dựng lựa chọn nguyên vật liệu, cấp phối bê tông, xác định rõ phương pháp kiểm tra khi thi công các công trình sử dụng bê tông phun, đồng thời hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về lĩnh vực bê tông.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

**Lệ Minh**



## **Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu chế tạo bê tông đặc biệt nặng tự lèn trong môi trường biển”**

Ngày 12/5/2015, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu chế tạo bê tông đặc biệt nặng tự lèn trong môi trường biển”, mã số RD 51-12 do Hội Bê tông Việt Nam chủ trì thực hiện. TS. Lê Trung Thành - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm đề tài, TS. Trần Lê Hồng đã báo cáo tóm tắt sự cần thiết của đề tài, nội dung thực hiện và kết quả nghiên cứu. Theo báo cáo, việc nghiên cứu chế tạo bê tông cho công trình biển ở nước ta - nhất là bê tông đặc biệt nặng tự lèn - còn khá mới mẻ. Để thực hiện đề tài, đề xuất được công nghệ chế tạo bê tông đặc biệt nặng tự lèn, sử dụng cốt liệu từ nguồn quặng đá barit (sẵn có tại Việt Nam) sau khi đã được sàng tuyển với thành phần kích cỡ hạt nhất định, nhóm đã tiến hành các công việc như sau: Khảo sát khả năng chế tạo hỗn hợp bê tông tương ứng có cốt liệu và phụ gia bột nghiền mịn từ quặng đá barit (Tuyên Quang); xác định lượng dùng phụ gia tối ưu để kết hợp với xi măng tạo chất kết dính hỗn hợp (với khối lượng riêng cao và khả năng giữ nước cao của hồ xi măng); xác định lượng dùng và phụ gia siêu dẻo tối ưu để chế tạo bê tông có độ linh hoạt đủ khả năng tự lèn của hỗn hợp bê tông đặc biệt nặng; đồng thời xác định đặc trưng công nghệ để chế tạo hỗn hợp bê tông đặc biệt nặng có hoạt tính cao đạt khả năng tự lèn và các tính chất cơ lý khác.

Sản phẩm của đề tài là hỗn hợp bê tông đặc biệt nặng tự lèn (khối lượng riêng 2.800 - 3.100 kg/m<sup>3</sup>; so với khối lượng thể tích của bê tông thường là 2.400 - 2.700 kg/m<sup>3</sup>), cường độ 30 - 45 MPa, có khả năng ứng dụng vào môi trường có tính ăn mòn cao như môi trường biển. Qua nghiên cứu, nguyên liệu chịu tác động xâm thực của nước biển thường là thép và các hợp kim



*Toàn cảnh cuộc họp*

của thép, vữa, bê tông và bê tông cốt thép. Riêng đối với vữa, bê tông và bê tông cốt thép, để tăng cường khối lượng riêng và khả năng bền vững trong môi trường biển, nhóm đã tìm xi măng và cốt liệu bền sulfat để tăng khối lượng thể tích, cải thiện cấu trúc bê tông, tăng độ đặc chắc của kết cấu. Kết quả thu được từ nghiên cứu này đã khẳng định ưu điểm vượt trội khi sử dụng bê tông bền sulfat trong xây dựng các công trình trên biển. Với những vấn đề cấp thiết về quốc phòng và an ninh biển đảo hiện nay, nhiều công trình hiện đại sẽ được xây dựng trên những vùng biển khác nhau của Tổ quốc - các kết cấu cọc, móng, tường chắn sóng, đế đỡ các ống dẫn dầu khí, các công trình an ninh quốc phòng, công trình dành cho hoạt động sản xuất và bảo quản dưới đáy biển để khai thác nguồn năng lượng và vật liệu khoáng... Các công trình này luôn yêu cầu một loại bê tông vừa có cường độ cao, vừa bền vững trước xâm thực và quan trọng là phải có khối lượng thể tích lớn để thắng áp lực nước và chìm sâu xuống dưới, tránh sự va đập và không cản trở các phương tiện đi lại trên mặt nước. Vì các lý do trên đây, bê tông đặc biệt nặng tự lèn bền sulfat được kỳ vọng sẽ ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong ngành Xây dựng Việt Nam.

Để chế tạo các loại bê tông tự lèn có khối

lượng riêng lớn, nhóm sử dụng xi măng có hoạt tính cao M400... M500. Việc sử dụng các chất kết dính này, kết hợp với việc tính toán tỷ lệ và các thành phần hợp lý trong chất kết dính, nghiền mịn chất kết dính ở mức độ cao đã cải thiện chất lượng, đồng thời giảm tỷ lệ nước của chất kết dính. Khả năng đóng rắn nhanh của hỗn hợp hồ xi măng cũng góp phần làm giảm khả năng phân tầng của hỗn hợp bê tông trong thời điểm tạo hình. Cụ thể, nhóm đề tài đã sử dụng xi măng X18 PC40 - RS của Bộ Quốc phòng, cốt liệu lớn và cốt liệu nhỏ từ quặng barit đập nhỏ, bột nghiền mịn được chế tạo từ quặng đá barit nghiền mịn, phụ gia chống ăn mòn và phụ gia siêu dẻo thế hệ mới gốc polycarboxilat để thực hiện nghiên cứu. Cấu trúc của sản phẩm bê tông có thành phần đá xi măng lớn hơn 30% so với bê tông thường; lượng dùng cốt liệu lớn ít hơn 1,5 lần. Các nghiên cứu về vi cấu trúc của bê tông cho kết quả độ đặc chắc cao với nhiều thành phần khoáng CSH được tạo thành.

Từ sản phẩm đề tài, nhóm đã tiến hành đúc thử nghiệm các mẫu hình lập phương và các khối hình dạng accropode để làm các khối gia tải cho cọc móng, và làm mái thân đê cho khu vực bị nhiễm mặn tại nhà máy thuộc Công ty

CP Bê tông & Xây dựng Xuân Mai.

Qua hai báo cáo phản biện và ý kiến của các thành viên khác, về cơ bản Hội đồng đánh giá rất cao khối lượng công việc và các kết quả nhóm đề tài đã đạt được. Hội đồng cũng thảo luận một số vấn đề chuyên môn để các tác giả có cơ sở hoàn thiện báo cáo của mình, vì tính ứng dụng và hàm lượng khoa học của đề tài rất cao - đạt được 03 kết quả trong một sản phẩm.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng - TS. Lê Trung Thành lưu ý nhóm tác giả hoàn thành báo cáo có chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của Hội đồng hôm nay, thời hạn 01 tháng. TS. Thành cũng gợi ý cho nhóm đề tài một số tài liệu tham khảo của nước ngoài về bê tông nặng tự lèn; và cho biết việc chế tạo và ứng dụng hiệu quả các loại vữa bê tông đặc biệt nặng tự lèn với các nguyên vật liệu trong nước sẽ góp phần giải quyết khó khăn trong công tác thi công xây dựng tại một số công trình đặc biệt có sử dụng hỗn hợp này.

Đề tài đã được Hội đồng thông qua với kết quả xếp loại Khá.

Lê Minh

## **Nghiệm thu đề tài biên soạn Tiêu chuẩn “Vật liệu dán tường dạng cuộn - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử”**

Ngày 13/5/2015, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học biên soạn Tiêu chuẩn TCVN...2015 “Vật liệu dán tường dạng cuộn - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử”, mã số TC 66-14 do Viện Vật liệu Xây dựng thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị.

Báo cáo về kết quả nghiên cứu của đề tài biên soạn tiêu chuẩn “Vật liệu dán tường dạng

cuộn - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử”, ThS. Nguyễn Tiến Dũng - Chủ nhiệm đề tài cho biết, hiện nay trên thị trường Việt Nam có rất nhiều loại vật liệu dán tường đang thịnh hành được nhập khẩu từ nước ngoài, mỗi loại đều có các tiêu chuẩn kỹ thuật công bố riêng. Tuy nhiên, Việt Nam chưa có tiêu chuẩn để kiểm tra, đánh giá chất lượng của các loại vật liệu dán tường dạng cuộn, do đó việc xây dựng tiêu chuẩn “Vật liệu dán tường dạng cuộn - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” là rất cần thiết.

Qua nghiên cứu các tiêu chuẩn nước ngoài về kiểm tra, đánh giá chất lượng vật liệu dán tường dạng cuộn (tiêu chuẩn Mỹ ASTM F1141, tiêu chuẩn ISO 0149, tiêu chuẩn Anh - châu Âu BS EN), nhóm nghiên cứu lựa chọn tiêu chuẩn Anh BS EN 233:1999 làm tiêu chuẩn cơ sở để xây dựng TCVN theo phương pháp chuyển dịch toàn bộ.

Dự thảo TCVN...2015 “Vật liệu dán tường dạng cuộn - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” được chuyển dịch từ nguyên gốc tiêu chuẩn nước ngoài BS EN, bao gồm 04 tiêu chuẩn: “Vật liệu dán tường - thuật ngữ và ký hiệu” dựa trên BS EN 235:2002; “Vật liệu dán tường dạng cuộn - yêu cầu kỹ thuật đối với giấy dán tường, vật liệu Vinyl dán tường và vật liệu dán tường bằng nhựa” - BS EN 233: 1999; “Vật liệu dán tường dạng cuộn - xác định kích thước, độ thẳng, khả năng lau sạch và khả năng rửa” - BS EN 12956:1999; “Vật liệu dán tường dạng cuộn - xác định mức phơi nhiễm các kim loại nặng và một số nguyên tố khác, hàm lượng Monome Vinyl Clorua và Formaldehyt phát tán” - BS EN 12149:1998.

Sau khi nghe báo cáo về nội dung của từng tiêu chuẩn trong dự thảo TCVN...2015 “Vật liệu dán tường dạng cuộn - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử”, các ủy viên phản biện và thành viên của Hội đồng đã đóng góp ý kiến. Nhìn chung, ý kiến của các thành viên Hội đồng đều đồng tình với sự cần thiết phải xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam về kiểm tra, đánh giá chất lượng các sản phẩm vật liệu dán tường dạng cuộn và thống nhất với lựa chọn tiêu chuẩn cơ sở để chuyển dịch của nhóm nghiên cứu.

Bên cạnh việc đánh giá cao chất lượng



Toàn cảnh Hội nghị nghiệm thu

chuyển dịch văn bản tiêu chuẩn, các thành viên Hội đồng cũng góp ý với nhóm tác giả về một số lỗi về thuật ngữ, biểu bảng cũng như hình thức trình bày để nhóm tác giả hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn trước khi trình Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và công bố.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa đồng tình với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng. Theo TS. Nguyễn Trung Hòa, dự thảo TCVN...2015 “Vật liệu dán tường dạng cuộn - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” do Viện Vật liệu xây dựng biên soạn có chất lượng dịch thuật khá tốt. Tuy nhiên, để hoàn thiện, nhóm tác giả cần tiếp thu các ý kiến của Hội đồng và có báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến. Bên cạnh đó, nhóm tác giả cần rà soát lại các thuật ngữ để đảm bảo tính thống nhất về ngữ nghĩa cũng như cách hiểu trong cả 04 tiêu chuẩn thành phần, bổ sung các ngưỡng đánh giá chất lượng sản phẩm mà Việt Nam đã có quy định.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu bỏ phiếu thông qua với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Minh Tuấn

## **Bê tông công nghệ nano - vật liệu xây dựng trong tương lai**

Năm 2014, các chuyên gia của Trung tâm Khảo sát, Nghiên cứu & Thử nghiệm Xây dựng

(Moskva, Nga) đã thực hiện 85 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học tại các công trình hạ tầng

giao thông đang trong quá trình thi công tại thành phố Moskva. Các nghiên cứu tập trung vào việc kiểm tra chất lượng sản phẩm bê tông kích thước nhỏ chuyên dụng cho xây dựng cầu đường - đá tảng lát lề đường và các phiến bê tông lát vỉa hè. Kết quả nghiên cứu cho thấy: 72% sản phẩm bê tông không đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn kỹ thuật về cường độ nén và tính hút nước. Chính vì thế, vấn đề cấp thiết là cần cải thiện chất lượng bê tông ứng dụng trong xây dựng cầu đường.

Cần khẳng định lại một điều, những tiến bộ trong ngành Xây dựng chỉ có thể đạt được trên cơ sở phát triển công nghệ cao, nhằm đảm bảo chất lượng, tính an toàn sinh thái cho sản phẩm, đồng thời (và quan trọng) tiết kiệm nguồn tài nguyên trong quá trình chế tạo sản phẩm. Công nghệ cao cũng đồng nghĩa với việc ứng dụng các thành tựu mới nhất về lý - hóa và các bộ môn khoa học cơ bản khác. Những năm gần đây, các nhà khoa học trên toàn thế giới đặc biệt quan tâm tới công nghệ nano.

Tại các quốc gia có nền khoa học và kinh tế phát triển như các nước thành viên EU, Mỹ, Nhật, Nga và Trung Quốc, các nghiên cứu về công nghệ nano luôn được xem là một trong những ưu tiên hàng đầu.

Có rất nhiều lĩnh vực ứng dụng công nghệ nano: y học nano, điện tử nano, sinh học nano (kỹ thuật gen)... Các nghiên cứu về công nghệ nano ứng dụng trong ngành Xây dựng đã được đề cập tới trong nhiều bài báo, tạp chí khoa học. Đặc biệt, việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ nano trong lĩnh vực vật liệu xây dựng đã được đưa vào chương trình hành động trung hạn và dài hạn của nhiều quốc gia. Tại Nga, tuy Chương trình nghiên cứu ứng dụng công nghệ nano vào sản xuất VLXD tầm nhìn tới năm 2025 đã được triển khai, nhưng mọi việc hiện mới chỉ ở giai đoạn bắt đầu.

Nhóm các nhà khoa học Nga dưới sự dẫn dắt của GS. Viện sỹ A. Ponomarev (Viện Nghiên cứu khoa học Xây dựng Saint

Peterburg) đã đạt được những kết quả khả quan đầu tiên trong các nghiên cứu về bê tông nano từ năm 1993. Tới nay, công tác nghiên cứu nhằm cho ra đời những loại vật liệu xây dựng mới ứng dụng công nghệ nano đã được rất nhiều tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần tham gia, trong đó phải kể đến các Trung tâm nano của Moskva, Novocherkassy, Saint Peterburg...

Hiện nay trên thế giới vẫn tồn tại hai phương án công nghệ nhằm đưa các phần tử kích thước nano vào thành phần bê tông. Phương án thứ nhất là nghiền xi măng đến cỡ hạt nano, khi đó, thành phần các chất tham gia phản ứng với nước của loại xi măng này tăng lên đáng kể. Nếu ở xi măng thông thường tỷ diện riêng xấp xỉ  $3.000 \text{ cm}^2/\text{gr}$ , chỉ có khoảng 1/3 khối lượng xi măng phản ứng với nước, chủ yếu là các phần tử gần sát bề mặt, phần còn lại sẽ thực hiện chức năng cốt liệu trơ, thì ở xi măng nghiền tới cỡ hạt nano sẽ có tới 80 - 90% khối lượng tham gia phản ứng với nước, dẫn đến thành phẩm thu được đòi hỏi lượng xi măng ít hơn. Xi măng nghiền bảo đảm cấu trúc rất bền vững. Trong quá trình sản xuất xi măng, một phần năng lượng đáng kể bị tiêu hao khi nghiền clinker (nguyên liệu để chế tạo xi măng). Một lượng nhỏ phụ gia nano biến tính gốc cacbon sẽ giúp giảm thời gian nghiền.

Phương án thứ hai là biến tính các vật liệu xây dựng. Công nghệ này được thực hiện thông qua ứng dụng phụ gia biến tính nano. Các nhà khoa học thường ứng dụng các chất C, Ag, Cu,  $\text{TiO}_2$ ,  $\text{SiO}_2$ ,  $\text{Fe}_2\text{O}_3$ ,  $\text{CaCO}_3$ , sợi nano, phân tử nano polyme... làm phụ gia biến tính nano.

Phụ gia biến tính nano với nồng độ cực thấp sẽ tăng cường các đặc tính cơ lý của bê tông: cải thiện cường độ và modun đàn hồi, nâng cao khả năng chống thấm và tính bền băng giá cho bê tông, giảm ngưỡng biến dạng co ngót.

Những năm gần đây, các nhà khoa học đã dành sự quan tâm đặc biệt cho các nghiên cứu nguyên tố cacbon (C) kích thước nano. Việc



ứng dụng nguyên tố này vào thành phần vữa bê tông dựa trên nguyên lý: độ đặc sít của các cấu trúc bê tông tăng lên đáng kể, tới phần nghìn micron; nhờ đó cường độ cũng như tính bền vững của toàn bộ kết cấu tăng cao. Bên cạnh đó, các nguyên tố cacbon kích thước nano chính là những trung tâm kết tinh sẵn có. Từ đây, các đặc tính mới của bê tông được hình thành, đồng thời tuổi thọ của bê tông được nâng cao.

Theo các số liệu của Viện hóa silicat PAN (Nga), phụ gia biến tính nano cacbon trong thành phần sẽ thúc đẩy nhanh quá trình thủy phân của xi măng pooc lăng, cải thiện cường độ của đá xi măng và một số đặc tính khác. Các phân tử kích thước nano có thể là phụ gia biến tính triển vọng nhất trong cấu trúc đá xi măng và bê tông, bởi đây chính là trung tâm kết tinh ở một pha mới, thể hiện hoạt tính hóa học cao và bảo đảm giảm áp suất bên trong cho toàn hệ kết cấu, qua đó nâng cao cường độ và tuổi thọ cho vật liệu. Nhờ những liên kết hóa học tự do bảo đảm nâng cao độ bám dính của vữa bê tông và cốt liệu, cường độ các vật liệu nano cacbon sẽ được cải thiện đáng kể. Sợi nano và các vật liệu nano có thể đóng vai trò là vật liệu có cốt nhờ cường độ cao và module đàn hồi được cải thiện.

Trên thế giới, các vật liệu nano cacbon được chế tạo theo nhiều phương pháp khác nhau: hồ quang điện, bay hơi bằng tia laser hay ánh sáng mặt trời, lắng hơi bằng phương pháp hóa học... Về nguyên tắc, các phương pháp tổng hợp phân tử nano cacbon do các nhà khoa học đề xuất tương đối phức tạp, đòi hỏi các thiết bị chuyên dụng đắt tiền và nguyên liệu đầu vào phải là những nguyên liệu đặc biệt để từ đó có thể thu nhận các phân tử kích thước nano. Tuy nhiên, hiện nay trên thị trường đã có các phương pháp mới về mặt công nghệ - đó là các phương pháp chế tạo vật liệu nano cacbon với giá thành hợp lý.

Tại phòng thí nghiệm của Viện Nghiên cứu khoa học Belarussia, với sự phối hợp của khoa

Vật liệu Xây dựng (Đại học Tổng hợp Quốc gia Belarussia), vật liệu như vậy đã được chế tạo từ hỗn hợp không khí và CO<sub>2</sub>, sử dụng ngọn lửa từ tia điện phóng. Phương pháp trên được coi là phương pháp tổng hợp, bởi vì khí đốt tự nhiên, cacbon dạng lỏng (cồn, dầu hỏa...) đều có thể sử dụng như một nguồn cung cacbon. Giá thành sản phẩm thu được hiện tại xấp xỉ 0,5 USD/gr.

Nhóm các nhà khoa học thuộc Viện Nghiên cứu hóa chất Ucraina, dưới sự chỉ đạo của Viện trưởng V. Shmalko, đã nghiên cứu và chứng minh được rằng: Than đá và các sản phẩm từ than đá qua công đoạn xử lý nhiệt (sản phẩm từ quá trình luyện cốc - trong đó có bụi cốc) đều là nguyên liệu đầu vào lý tưởng. Bụi cốc là sản phẩm phụ của than đá qua quá trình luyện cốc. Nguyên liệu này khá hợp lý (về mặt kinh tế) để tổng hợp các phân tử nano cacbon. Một lò luyện cốc bình quân mỗi năm xuất 710 tấn sản phẩm phụ dưới dạng bụi cốc. Theo tính toán, các phân tử kích thước nano trong bụi cốc chiếm 3% tổng khối lượng bụi. Các nhà khoa học đã chỉ ra rằng một trong những biện pháp để thu nhận phân tử nano cacbon là áp dụng biện pháp siêu âm để phân tán bụi cốc trong nước. Tuy nhiên, tỷ lệ các phân tử nano cacbon trong tro hoặc bụi cốc không được vượt quá 3%.

Tại Nga, bê tông nano siêu nhẹ đã được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi trong xây dựng cầu đường. Một trong những ví dụ điển hình cho việc ứng dụng thành công, hiệu quả khai thác cao loại vật liệu này là công trình cầu đường qua sông Volga (đã đưa vào khai thác từ năm 2007). Các phiến bê tông làm đường được thực hiện từ bê tông cốt sợi bazan, sử dụng phụ gia biến tính nano cacbon. Nhờ đó, khối lượng riêng của toàn bộ hệ kết cấu giảm được 30%.

Trong số các nghiên cứu mới nhất thuộc lĩnh vực này, có thể kể tới phụ gia biến tính làm gia tăng cường độ bê tông - sản phẩm của doanh nghiệp cổ phần xây dựng Moskva. Phụ gia biến tính có thể ứng dụng vào mọi chủng loại bê



tông có xi măng pooc lăng trong thành phần. Tỷ lệ phụ gia biến tính trong bê tông được khuyến cáo ở mức 0,5%. Việc ứng dụng các chất biến tính này cho phép cường độ nén của bê tông tăng lên tới 45%; cường độ uốn - 28%; tính bền bằng giá được cải thiện tới 39%.

Hiệu quả từ việc ứng dụng phân tử nano cacbon để chế tạo các sản phẩm trong lĩnh vực cầu đường cũng là mối quan tâm lớn hiện nay. Bắt đầu từ năm 2011, tại nhà máy Geomaks (Kharkov - Ucraina), vữa bê tông làm đường và các sản phẩm bê tông làm đường ứng dụng công nghệ nano đã được sản xuất, với sự hỗ trợ về mặt công nghệ của các chuyên gia khoa Công nghệ vật liệu cầu đường (Đại học Giao thông quốc gia Kharkov). Tại đây, các sản phẩm đá rải lề đường, phiến lát vỉa hè được chế tạo từ bê tông với các phân tử nano cacbon trong thành phần. Các chế phẩm này khác biệt hoàn toàn so với các chế phẩm không có phân

tử nano cacbon - đặc biệt, cường độ bê tông cao hơn tới 1,5 lần; thời hạn khai thác các công trình cũng tăng lên 1,5 lần. Nhờ cải thiện các đặc tính cường độ, lượng xi măng bị tiêu hao trong quá trình chế tạo sản phẩm có thể giảm tới 20% - tức là hiệu quả kinh tế sẽ vô cùng to lớn, nếu tính theo sản lượng trung bình năm là 5.000 m<sup>3</sup> sản phẩm thì mỗi năm nhà máy có thể làm lợi hơn 1 tỷ rúp.

Như vậy, bê tông nano với các đặc tính cơ lý cao đã và đang mở ra những khả năng mới, những cơ hội mới cho lĩnh vực thiết kế và xây dựng. Hy vọng trong tương lai rất gần, loại vật liệu này sẽ thay thế toàn bộ các loại bê tông truyền thống.

**Rauf Iosifov**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 9*

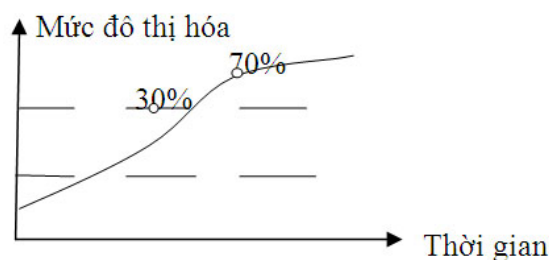
*(27/02/2015)*

**ND: Lê Minh**

## Đặc điểm môi trường phát triển ngành Xây dựng Trung Quốc dưới bối cảnh đô thị hóa kiểu mới

Đô thị hóa là quá trình lịch sử xã hội loài người phát triển tới văn minh tiến bộ. Nó có quy luật tự thân của mình. Năm 1979, một giáo sư của trường Đại học Harvard, Mỹ đã đưa ra lý luận về đường cong chữ S. Quy luật phát triển của đô thị hóa có thể dùng một đường cong hình sin đi lên để biểu thị, trong giai đoạn phát triển có hai điểm uốn cong, điểm uốn cong đầu tiên là 30%, tỷ lệ đô thị hóa trước điểm 30% phát triển khá chậm, điểm uốn cong thứ 2 là 70%, giai đoạn từ 30 - 70% là thời kỳ phát triển nhanh của đô thị hóa, tỷ lệ đô thị hóa vượt trên 70% lại trở nên khá bình ổn.

Đô thị hóa của Trung Quốc trải qua quá trình phát triển với khởi điểm thấp, tốc độ nhanh. Giai đoạn từ 1978 đến 2013 đã tăng từ 17,9% lên 53,7%, theo quy hoạch đến năm 2020 là 60%. Đô thị hóa của Trung Quốc còn có một đặc điểm rất rõ ràng, đó là Nhà nước kiểm soát hết



sức mạnh mẽ. Điều này giúp Trung Quốc tránh khỏi đô thị hóa quá nhanh và cảnh nghèo khó của những người thu nhập thấp như các nước Mỹ - La tinh, nhưng lại không giống sự phân tán quá độ, đô thị hóa với việc đi lại bằng xe hơi riêng gây lãng phí nguồn năng lượng như nước Mỹ. Về mặt tổng thể, đô thị hóa của Trung Quốc là hiệu ứng bình thường, tuy nhiên trên thế giới lại có 1 quan điểm cho rằng đô thị hóa của Trung Quốc sẽ là một trong 2 sự kiện lớn của loài người vào thế kỷ XXI.

Tất nhiên, đô thị hóa của Trung Quốc cũng đã tích lũy được một số vấn đề không thể xem nhẹ. Tháng 12/2013, Trung ương Trung Quốc đã triệu tập hội nghị công tác về đô thị hóa. Năm 2014, Trung Quốc đưa ra quy hoạch đô thị hóa kiểu mới. Đây là một thiết kế cao cấp nhất. Đô thị hóa và công nghiệp hóa cùng hỗ trợ lẫn nhau và không thể tách khỏi ngành Xây dựng. Đô thị hóa kiểu mới có ảnh hưởng sâu sắc tới quy hoạch, thiết kế, ngành Xây dựng, ngành Bất động sản và các tiện ích đô thị tại Trung Quốc, hơn thế nữa nó còn có những xu thế và đặc điểm mới. Ngành Xây dựng trong quá trình thích ứng và phục vụ đô thị hóa kiểu mới cần kiên trì cải cách, đổi mới, đẩy nhanh chuyển đổi, hoàn thiện thị trường, tạo ra những bước đi mới và tạo dựng vinh quang mới.

Trong thế kỷ này, dân số khu vực xây dựng sản xuất phi nông nghiệp đô thị đã tăng 50%, còn dân số tại thành phố và thị trấn chỉ tăng 26%, đô thị hóa đất đai phát triển nhanh hơn đô thị hóa dân số. 30 năm kể từ khi cải cách mở cửa, mật độ dân số khu vực xây dựng sản xuất phi nông nghiệp đô thị không ngừng giảm xuống. Từ năm 2001 đến năm 2008, tăng trưởng dân số bình quân năm tại các thành phố và thị trấn là 6,2%, diện tích đất sử dụng cho xây dựng đô thị mỗi năm tăng 7,4%, mật độ kinh tế đô thị chỉ bằng 1/10 của Nhật Bản.

## **1. Đô thị hóa kiểu mới cần thực hiện thị dân hóa dân số nông nghiệp chuyển dịch**

Cuối năm 2013, Trung Quốc đại lục có 1,3 tỷ dân, 430 triệu hộ gia đình. Các gia đình tại các thành phố và thị trấn chủ yếu là do dân số có việc làm và dân số không có việc làm tạo thành, còn tình hình các gia đình tại nông thôn lại khá phức tạp, trong đó một bộ phận lực lượng lao động chuyển vào đô thị, gia đình bị chia cắt, lực lượng lao động bị đô thị hóa. Tuy nhiên, một số lượng lớn người nông dân vào thành phố lại không thực sự được hưởng những quyền lợi của những người dân đô thị, đây là điều bất công. Đặc biệt, sự lưu động của lượng

lớn lao động theo mùa cũng gây ảnh hưởng to lớn tới hệ thống giao thông trong toàn Trung Quốc. Người lao động nông thôn có nơi cư trú tại nông thôn thì ở thành phố họ cũng có nhu cầu về nhà ở, điều này sẽ gây lãng phí nguồn tài nguyên. Đặc biệt, đối với người lao động nông thôn khi có tuổi đời cao sẽ quay trở về nông thôn và do đó vấn đề già hóa trong tương lai tại nông thôn có thể sẽ còn nghiêm trọng hơn ở đô thị. Vì vậy, nhất định cần thực hiện thị dân hóa đối với dân số chuyển dịch từ nông thôn.

## **2. Đô thị hóa kiểu mới cần định vị chuẩn xác và cần hỗ trợ các ngành công nghiệp**

Đô thị hóa là sức sản xuất xã hội phát triển tới một giai đoạn nhất định sẽ tạo ra sự điều chỉnh trong bố cục sản xuất. Hiện tại, đô thị hóa của Trung Quốc còn tồn tại vấn đề gì? Đó chính là sự hỗ trợ các ngành công nghiệp không đủ. Vấn đề chủ đạo trong đô thị hóa của các nước Mỹ - La tinh là vấn đề người dân sau khi chuyển vào đô thị không thể kiếm được việc làm, nên vẫn tồn tại một lượng lớn các khu ổ chuột và một loạt các vấn đề xã hội. Trước đây chúng ta có quan niệm an cư rồi mới lạc nghiệp, hiện nay cần phải đổi lại thành lạc nghiệp rồi mới có thể an cư. Cho dù là khai thác khu vực mới, xây dựng đô thị mới hay cải tạo đô thị cũ, trước hết chúng ta cần nghiên cứu chiến lược phát triển của đô thị, căn cứ vào nguồn tài nguyên vốn có và đặc trưng vị trí để nắm chắc việc định vị của đô thị, lựa chọn tốt các ngành công nghiệp chủ đạo và nhóm các ngành công nghiệp, xác định địa vị chuyên nghiệp hóa và mối quan hệ phân công hợp tác, đây là vấn đề chiến lược.

Tiếp đó, quy hoạch đô thị nhất định không thể chỉ làm quy hoạch không gian, phải kết hợp mật thiết với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch tận dụng đất đai, nghiên cứu bố cục sức sản xuất, liên kết với quy hoạch các ngành công nghiệp. Trên cơ sở này, làm tốt quy hoạch đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng và xây dựng môi trường nhằm tạo điều kiện cư trú và sản xuất tốt. Quy hoạch không gian như vậy

mới là mục tiêu.

### 3. Đô thị hóa kiểu mới cần kiên trì chuyên sâu, nhỏ gọn và cacbon thấp

Bố cục không gian trong đô thị hóa của Trung Quốc vẫn còn tồn tại phổ biến hiện tượng chiếm dụng đất đai, thậm chí là đất ruộng nông nghiệp. Đô thị tiếp tục được mở rộng không có tiết chế, đô thị mới, khu vực mới đều khoanh vùng rộng lớn. Một diện tích lớn đất sử dụng cho nông nghiệp chuyển thành đất sử dụng cho xây dựng, mật độ dân số trên diện tích đất đô thị và mật độ kinh tế lại khó có thể nâng cao, hiệu quả tận dụng tài nguyên giảm sút, vấn đề lãng phí này cần có sự coi trọng cao độ. Vì vậy, cần xác định giới hạn phạm vi đô thị, kiểm soát quy mô, cường độ khai thác và thực hiện vận hành xanh, cacbon thấp.

### 4. Đô thị hóa kiểu mới không thể chỉ có vật hóa mà không có văn hóa

Hiện tại, đa số các đô thị tại Trung Quốc đều tồn tại một số vấn đề chủ đạo sau: Một là, vật chất hóa cao, theo đuổi hiệu quả và sự giàu có, thiếu coi trọng bồi dưỡng tinh thần nhân văn và tu dưỡng nghệ thuật đạo đức. Hai là, không quan tâm tới lịch sử văn hóa, không ít các công trình có giá trị tại đô thị, bao gồm một số khu phố lịch sử, bị phá hủy, phá dỡ trong quá trình xây dựng đô thị. Ba là, bóp méo giá trị thẩm mỹ, theo đuổi những thứ kỳ lạ, đặc biệt, công khai, phô trương. Bốn là, đồng chất hóa. Thiếu sự sáng tạo, mô phỏng, bắt chước. Đô thị hóa kiểu mới cần khai thác những tài nguyên văn hóa đô thị, tăng cường kế thừa và đổi mới văn hóa, đưa việc xây dựng đô thị trở thành không gian nhân văn quyến rũ với nền tảng lịch sử hùng hậu và đặc trưng thời đại rõ ràng. Cần thúc đẩy giao thoa văn hóa truyền thống với văn hóa hiện đại,

văn hóa bản địa với văn hóa ngoại lai, hình thành nên nền văn hóa đô thị hiện đại hóa đa dạng, mở cửa.

Vì vậy, trong quá trình cải tạo các thành phố cũ, cần chú trọng bảo vệ chỉnh thể văn hóa sinh thái, bảo tồn các màu sắc văn hóa đô thị. Trong xây dựng các đô thị và khu vực mới, cần đưa vào các nguyên tố văn hóa truyền thống, đồng thời hài hòa với các đặc trưng nhân văn tự nhiên vốn có, hình thành nên đặc trưng khu vực.

### 5. Đô thị hóa kiểu mới không thể chỉ chú trọng đô thị mà bỏ qua nông thôn

Cần tối ưu hóa bố cục các thành phố và thị trấn, hình thành nên bố cục phát triển nhất thể hóa đô thị - nông thôn với sự hài hòa của các đô thị lớn, vừa, nhỏ và các thành phố, thị trấn nhỏ. Nói một cách tổng thể, cần phát triển các nhóm đô thị với hiệu quả tập trung cao, tác dụng lan tỏa lớn, hệ thống thành phố và thị trấn tối ưu, mạnh mẽ hỗ trợ chức năng cho nhau; Tăng cường tác dụng dẫn dắt, lan tỏa của các thành phố trung tâm. Đẩy nhanh phát triển các thành phố vừa và nhỏ, trọng điểm phát triển các thành phố và thị trấn nhỏ. Ngoài ra, cần thống nhất phát triển đô thị và nông thôn, đẩy mạnh nhất thể hóa quy hoạch, cơ sở hạ tầng và dịch vụ công cộng đô thị và nông thôn, nâng cao thiết kế quy hoạch và quản lý nông thôn, xây dựng vùng nông thôn tươi đẹp.

**Tôn Xuân Hoa**

*(Nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch danh dự Hội đồng Quốc gia về xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc)*

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 11/2014*

**ND: Kim Nhạn**

## Những yếu tố ảnh hưởng cơ bản tới công tác thiết kế đô thị trên biển

Các đại dương chiếm một phần diện tích không nhỏ trên toàn bộ bề mặt hành tinh của

chúng ta (tới hơn 70%), và là phần diện tích “còn bỏ trống”.

Sự kết hợp đa chiều giữa môi trường vật lý và môi trường sinh học của các đại dương hình thành không gian bền vững cho từng vùng miền tương ứng trên Trái đất. Mặt nước không hề bị tách biệt, mà trái lại, tác động tương hỗ với bầu không khí, với môi trường sinh thái của đất liền - nơi con người sinh sống. Hiện tượng tăng nhiệt độ của môi trường xung quanh (hay còn gọi là “hiệu ứng nhà kính”) - hệ quả tất yếu từ sự xuất hiện hàng loạt yếu tố do con người tạo ra - đã dần phá hủy các khối băng ở hai cực của Trái đất, khiến mực nước biển dâng cao. Theo dự báo, tới năm 2050 dân số thế giới sẽ xấp xỉ 7,4 đến 10,6 tỷ. Các yếu tố nhiệt độ thay đổi, dân số thế giới tăng nhanh, tốc độ sử dụng đất cũng như khai thác các vùng lãnh thổ khác nhau trên Trái đất (trước hết phải nhắc tới khu vực đất liền với khí hậu thuận lợi cho sự sinh tồn của loài người)... Trong bối cảnh chung đó nổi lên một vấn đề cấp thiết - cần nhanh chóng thực thi những chính sách khai phá các điểm quần cư mới tại những nơi trước đây chưa từng được ghi nhận là khu vực con người có thể sinh sống.

Cùng với lịch sử lâu đời của Trái đất, các đại dương đã tồn tại bao thiên niên kỷ nay; và cho tới tận bây giờ vẫn có thể xem đây là khoảng không gian riêng, nơi cuộc sống của con người khó mà vươn tới.

Mở rộng không gian sống, không gian hoạt động là một trong những sự nghiệp cao cả của loài người, thông qua các hoạt động chinh phục vũ trụ, khám phá các đại dương trên thế giới. Các đại dương chứa đựng nguồn tài nguyên lớn - tài nguyên sinh học, tài nguyên năng lượng, nước,... tập trung dưới đáy và trong lòng đại dương. Để khám phá và khai thác các nguồn tài nguyên này, đồng thời giải bài toán phân bố dân cư, tiết kiệm việc sử dụng tài nguyên đất, các giải pháp thiết kế và xây dựng các tổ hợp, công trình “nổi” trên mặt nước đã được các nhà khoa học trên thế giới dày công nghiên cứu trong nhiều năm qua. Một trong những định hướng trong các nghiên cứu này là tổ hợp kiến

trúc trên một khu vực lãnh thổ nhân tạo “nổi” trên mặt nước, hay còn gọi là đô thị trên biển.

Thiết kế và xây dựng các tổ hợp trên mặt nước - về nguyên tắc - có nhiều điểm khác biệt so với trên bề mặt cứng của Trái đất.

Lần đầu tiên, khái niệm “đô thị trên biển” được đề cập tới trong dự án của kiến trúc sư nổi tiếng người Nhật - Kyionori Kikutake. Dự án là một tổ hợp những tòa nhà, những công trình kỹ thuật với cơ sở hạ tầng tương ứng đặc biệt dành cho việc khai thác không gian nước.

Song từ trước khi các dự án về một đô thị trên biển ra đời, con người cũng đã tính tới chuyện “xuống nước”, “ra biển” để sinh sống.

Phương pháp đơn giản và hiệu quả nhất để sử dụng mặt nước phục vụ các hoạt động sống, sản xuất, các sinh hoạt cộng đồng và cuộc sống riêng tư của con người là tổ chức các cụm dân cư và cụm sản xuất trên những vùng hồ hoặc vịnh.

Các “khu dân cư trên mặt nước” theo một khía cạnh nhất định có thể coi là nguyên mẫu của một đô thị trên biển thu nhỏ, đặc trưng bởi tính thống nhất cao của từng cấu trúc riêng biệt. Những khu dân cư “nổi” như vậy có mặt tại rất nhiều quốc gia châu Á: Hồng Kông, Trung Quốc, Khu hồ Tông lê sáp thuộc Vương quốc Campuchia...

Sự hình thành những khu chức năng riêng biệt tại các điểm dân cư này hoàn toàn theo quy tắc tự phát mà không tính tới các yếu tố khí hậu tự nhiên của địa phương. Những kiến trúc đặc thù để tổ chức các khu vực sinh sống, khu hành chính và sản xuất chưa có; thậm chí, cư dân chỉ “xuống nước” để sống, còn mọi hoạt động sản xuất vẫn ở trên bờ; và hàng ngày cư dân lên bờ bằng các phương tiện giao thông thủy.

Giai đoạn tiếp theo là hình thành phương thức tổ chức các cụm theo chức năng và cấu trúc riêng. Giải pháp phi tập trung các tổ hợp tòa nhà và công trình có chức năng khác nhau được thực hiện dưới hình thức những tuyến phố, những hành lang giao thông đồng nhất về mặt

cấu trúc. Điển hình là “khu dân cư - thị trấn nổi” trên hồ Dal (Ấn Độ), Ko Pani (Thái Lan).

Ko Pani là làng chài xây dựng trên các cọc ván. Trong làng có gần 200 hộ dân sinh sống với tổng số 1.500 - 2.000 người. Tuy trong những năm gần đây, du lịch Thái Lan phát triển mạnh mẽ, nhưng cuộc sống của ngư dân Ko Pani hầu như vẫn chỉ dựa vào nghề đánh bắt và chế biến cá. Ở Ko Pani có trường học cho trẻ em, sân bóng đá. Để bày tỏ sự hâm mộ với các kỳ World Cup từ năm 1986, dân làng đã xây dựng sân bóng đá này từ gỗ phế liệu và các bè cá cũ.

### Khái niệm “đô thị trên biển”

Các dự án của kiến trúc sư người Nhật Kyionori Kikutake có tên Marine City Project, Floating system và Akvarpolise (Đô thị trên biển) 75 thực sự hình thành nên khái niệm mới “đô thị trên biển” - tổ hợp những công trình kiến trúc nhân tạo dành cho mục đích chinh phục đại dương.

Trong chuỗi các dự án của mình, nhà kiến trúc tài ba đã kết hợp nhuần nhuyễn những ý tưởng về thành phố trên đại dương với các tòa nhà chọc trời và cấu trúc của một siêu đô thị hiện đại. Đô thị trên biển 75 đã trở thành đỉnh cao của Expo - 75 khi giới thiệu với công chúng mô hình một cơ cấu nổi trong tương lai.

“Đô thị trên biển” nằm trên một đảo nổi được xây đặc biệt, nối với đất liền bằng một cây cầu dài 400 m. Đảo được thiết kế thành 03 tầng sân bãi, kích thước 100 x 104 m. Toàn bộ đảo tựa trên 16 cột liên kết vững chắc với nhau, phần bên dưới các cột được gắn chặt với 04 phao nổi, đỉnh cột đỡ các “boong” (như boong tàu). Một boong với phần không gian mở được sử dụng làm sân bay trực thăng. Boong chính khép kín có thể sử dụng như một phòng khánh tiết, phòng hòa nhạc hoặc hội nghị. Dự án có thể tiếp nhận 2.500 khách tham quan cùng một lúc. Ngoài ra, khu đô thị còn được nối với đất liền bằng một cây cầu dành cho khách bộ hành. Tuy nhiên, trong những ngày có bão, đô thị trên

biển có khả năng “đạt” ra xa bờ thêm 200 m nữa; và các phao ngập nước sẽ bị kéo chìm xuống sâu hơn. Lượng nước choán trong tình trạng không tải của “đô thị trên biển” đạt 18,6 nghìn tấn. Là một kết cấu tự hành, khi xảy ra mưa bão, công trình có thể chịu được khi chìm sâu dưới 15 m nước trong 03 giờ đồng hồ. Các thiết bị đặc biệt có thể cung cấp nước ngọt và xử lý mọi loại rác thải - kể cả vệ sinh nguồn nước thải - mà không làm ô nhiễm tới đại dương bao quanh. Theo tính toán của các tác giả, “đô thị trên biển” có sức chứa tối đa 2.400 người, tất cả có thể sinh sống bình thường không cần bất kỳ sự tiếp tế nào từ đất liền, và không làm ảnh hưởng tới môi trường nước xung quanh. Tất cả các thiết bị kỹ thuật đặc biệt trong khuôn khổ dự án do 40 công nhân vận hành. Hai bên cầu nối liền đảo nổi với đất liền, các trại cá được thiết kế - nơi có thể nuôi trồng các loài thủy sản khác nhau nhằm cung cấp thực phẩm cho cư dân trên đảo.

“Đô thị trên biển” thực sự là sự thể hiện ý tưởng mới trong lĩnh vực quy hoạch và xây dựng đô thị. Các đô thị trên biển chính là không gian sống vô cùng sinh động và hấp dẫn.

Dự án “Cơ cấu nổi” (Floating system) ngoài tên gọi còn khác với “đô thị trên biển” ở những điểm sau: nền chịu lực nhân tạo (thay cho nền đất thông thường); được định hướng bền vững và có thể điều khiển trong thời tiết sóng gió; các giải pháp kiến trúc được thể hiện một cách tập trung; các kết cấu khá cơ động trong một môi trường nước linh hoạt xung quanh.

### Các yếu tố ảnh hưởng tới công tác thiết kế đô thị trên biển

Kết quả phân tích của các nhà khoa học đối với kinh nghiệm thiết kế đô thị trên biển của thế giới đã làm rõ những yếu tố có thể ảnh hưởng tới công tác thiết kế đô thị trên biển: khí hậu, sinh thái, địa chất, mặt trời, các yếu tố chiến lược, yếu tố kinh tế, an toàn, độ tin cậy, yếu tố thông tin và yếu tố đổi mới. Quan trọng hơn cả là vai trò chức năng và công suất của đô thị trên biển.



## **Vai trò chức năng và công suất của đô thị trên biển**

Vai trò chức năng là yếu tố cơ bản nhằm xác định các yêu cầu đối với diện mạo kiến trúc của tòa nhà/ công trình.

Tính hợp lý về mặt chức năng của các đô thị trên biển là yếu tố tiên quyết đối với các định hướng sản xuất, lĩnh vực sản xuất như: tổ hợp khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên; tổ hợp công nghiệp và sản xuất; tổ hợp đa chức năng; tổ hợp nông nghiệp; tổ hợp dành cho các cư dân từ các khu vực thiên tai, dịch họa tới tạm trú; tổ hợp nghiên cứu - khoa học; công trình hạ tầng giao thông...

Đến nay, thế giới đã ghi nhận rất nhiều giải pháp thiết kế đô thị trên biển, trong đó nhấn mạnh tính hợp lý về mặt chức năng. Đô thị trên biển đa năng (phục vụ mục đích sinh sống - nghỉ ngơi - sản xuất của con người) luôn được thiết kế dựa trên các đặc tính kết cấu dành cho việc tạm trú hoặc sinh sống dài hạn của con người.

Nhiệm vụ thiết kế và công suất thiết kế của một dự án đô thị trên biển đa năng cần tuân thủ:

- Các giải pháp về bố cục hình khối - không gian (bao gồm thành phần và kích thước các tòa nhà theo chức năng nhất định, sơ đồ kỹ thuật...) đối với từng khu vực để ở, để sinh hoạt cộng đồng và khu vực sản xuất;

- Các giải pháp kiến trúc về mặt tổ chức khu vực dành riêng cho hạ tầng giao thông và hạ tầng kỹ thuật;

- Các thông số xây dựng dành cho khu vực có chức năng nghỉ ngơi, nghỉ dưỡng, và khu vực bảo vệ đặc biệt.

Một yếu tố nữa liên quan tới vai trò chức năng - đó là số lượng (số nhân công làm việc, số người sinh sống) cần phù hợp với công suất sản xuất.

Dự án đô thị trên biển Freedom Ship có công suất thiết kế tối thiểu dành cho 100 nghìn người, trong đó có khoảng 20 nghìn thuộc đội ngũ nhân công và quân đội. Dự án theo thiết kế có quy mô khá đồ sộ - hơn 1 km chiều dài và

xấp xỉ 300 m chiều rộng, với ít nhất 25 “boong tàu” (dự án đầu tiên Đô thị trên biển 75 của kiến trúc sư người Nhật chỉ được thiết kế 03 boong, trong đó có 01 boong làm sân bay trực thăng). Khối lượng của cả thành phố nổi xấp xỉ 3 triệu tấn, với lượng nước choán kỷ lục - 2,7 triệu tấn. Đô thị có đầy đủ các hạng mục thiết yếu để cư dân sinh sống và nghỉ ngơi. Tiếp theo đó là dự án đô thị trên biển Lilypad với công suất chứa 50 nghìn người. Ngay sau khi các dự án ra đời, rất nhiều chuyên gia đã khẳng định triển vọng di dân từ đất liền xuống nước.

Cơ cấu nổi sinh thái Lilypad là tác phẩm của kiến trúc sư người Pháp gốc Bỉ Vincent Calabaut. Theo kỳ vọng của các tác giả, thành phố Lilypad sẽ được hoàn thành vào năm 2100 và cứu thế giới khỏi thảm họa sinh thái. Dự án là sự thể hiện của một trong những ý tưởng hay về vai trò chức năng của cộng đồng trên biển.

Vai trò chức năng và công suất thiết kế (kích thước, quy mô của tổ hợp) là yếu tố chủ đạo hình thành nên các giải pháp kết cấu của một đô thị trên biển, thông qua việc hiện thực hóa sơ đồ kết cấu tương ứng, lựa chọn các vật liệu cho các kết cấu kiến trúc cơ bản.

## **Các yếu tố ảnh hưởng - khí hậu và môi trường xung quanh**

Yếu tố tự nhiên (môi trường xung quanh) và khí hậu có ảnh hưởng quan trọng tới kiến trúc của các đô thị trên biển, nếu so với không gian kiến trúc đối với các tòa nhà/ công trình trên bề mặt cứng của Trái đất. Đặc trưng của sự ảnh hưởng này là mối tương tác của các điều kiện khí hậu - tự nhiên khác nhau với các điều kiện được hình thành tại những điểm khác nhau trên đại dương bao la của Trái đất. Chính nguồn tài nguyên nước của đại dương hình thành nên vùng khí hậu và các điều kiện tác động của môi trường không khí tới đô thị trên biển. Việc tính toán những ảnh hưởng của khí hậu tới đô thị trên biển sẽ có ý nghĩa bảo đảm vùng tiểu khí hậu tiện nghi bên trong các công trình dành cho việc lưu trú dài hạn hoặc ngắn hạn của con

người. Do đó, các giải pháp kiến trúc ở đây không tuân theo các phong cách kiến trúc thịnh hành đang là “mốt thời thượng” trong thực tiễn xây dựng của thế giới, mà cần được tính toán đầy đủ những ảnh hưởng của tự nhiên đối với thể chất, đối với sức khỏe của con người.

Những tác động của môi trường xung quanh là yếu tố tổng hợp, bao gồm nhiệt độ; độ ẩm; áp suất; độ dày đặc của mây; nền phóng xạ; hướng, lực và tốc độ chuyển động của các luồng khí. Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới cơ thể con người, khiến cơ thể suy yếu hoặc giảm sự năng động cần thiết.

### **Các yếu tố ảnh hưởng - tính an toàn và độ tin cậy**

Đối với tất cả các công trình xây dựng (kiến trúc) thuộc các tiêu chí sau: 1) đã xây xong, đang trong quá trình sử dụng; 2) đang được xây hoặc đang được thiết kế - đều có một tính chất chung là mức độ trách nhiệm. Mức độ trách nhiệm cao luôn thuộc về những công trình có ý nghĩa xã hội hoặc ý nghĩa đối với nền kinh tế quốc dân.

Các đô thị trên biển là những công trình kiến trúc có quy mô lớn được thiết kế có áp dụng các giải pháp kết cấu mới; và trong quá trình xây dựng các công nghệ chưa được kiểm định qua thực tế. Tức là, các đô thị trên biển cần được xếp hạng những công trình có mức độ trách nhiệm cao nhất.

Các giải pháp kết cấu và giải pháp kiến trúc, đặc trưng của các quy trình công nghệ, điều kiện thủy văn và khí hậu, thành phần và số lượng các công cụ bảo vệ của một đô thị trên biển sẽ xác định các chỉ số về độ an toàn khi đưa vào vận hành khai thác đô thị trên biển đó.

Độ tin cậy của một đô thị trên biển đặc thù bởi các chỉ số chất lượng như: tuổi thọ, khả năng sửa chữa, tính bảo tồn. Các chỉ số này đặc trưng cho khả năng thích ứng của các kết cấu đối với việc khai thác vận hành chuẩn theo một thời hạn nhất định, trong điều kiện chịu tác động tự nhiên (tải trọng), kể cả các tác động mạnh.

Yếu tố (mức độ) an toàn của đô thị trên biển có thể thay đổi trong quá trình khai thác, điều này phát xuất từ các sai số giữa tác động bên ngoài (tải trọng) và các tính chất của kết cấu xây dựng so với các thông số thiết kế, cũng có thể do tác động từ quá trình sản xuất. Để đảm bảo mức độ an toàn cần thiết hoặc mức an toàn theo thiết kế, nhiều biện pháp đã được nghiên cứu và thực thi một cách có hệ thống, trong đó có các giải pháp về công nghệ, về tổ chức và quản lý.

Ví dụ điển hình về ứng dụng kinh nghiệm thế giới, các công nghệ tiên tiến có tính tới các yếu tố ảnh hưởng trong thiết kế đô thị trên biển tại vùng biển Bắc (Nga)

Thêm lục địa trên biển Bắc của Liên bang Nga chứa tới 1/4 toàn bộ trữ lượng dầu mỏ và 1/2 trữ lượng khí đốt của cả nước. Khai phá các mỏ tài nguyên phong phú tại đây là vấn đề “nóng” đối với Nga. Cần đồng thời và ngay lập tức thiết lập các điều kiện tiện nghi cho sinh hoạt của những nhân công làm việc trong lĩnh vực khai thác các tài nguyên tại khu vực đó.

Để giải bài toán này, nước Nga có dự án tổ hợp tự hành được thiết kế đặc biệt cho khu vực biển Bắc, với vùng tiểu khí hậu nhân tạo 100% trong phạm vi tổ hợp. Quy mô tổ hợp 500 x 500 m. Lõi tổ hợp là trung tâm nghiên cứu sản xuất hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản. Khu vực sản xuất theo thiết kế được đặt trong một tổ hợp công trình ngầm dưới mặt nước. Tại đây có đầy đủ các phân xưởng chế biến, kho chứa thành phẩm...

Khu vực sinh sống trong tổ hợp này được thiết kế tại phần nổi trên mặt nước, với đầy đủ trường học (có thể tiếp nhận 1.500 học sinh) và trung tâm đào tạo (với 300 học viên); thư viện có 45 nghìn đầu sách, rạp chiếu phim sức chứa 500 người; bệnh viện 300 giường; phòng tập thể thao rộng 600 m<sup>2</sup>; bể bơi, sân bóng, cửa hàng thực phẩm, nhiều công trình phục vụ khác. Bao quanh khu vực sinh sống là các khu công viên, vui chơi và nghỉ dưỡng, khu cây

xanh kết nối tất cả các tòa nhà trong tổ hợp. Toàn bộ tổ hợp được bao bọc bởi một hệ thống tường chắn sóng và chống bão với cự ly 200 m tính từ tổ hợp. Trong thiết kế có cả bãi đỗ trực thăng, 12 cầu tàu, trong đó 08 cầu dành cho tàu khách, và 04 cầu dành cho tàu hàng.

Tổ hợp có hệ thống điện nước riêng, sử dụng năng lượng phản ứng hạt nhân; và hoàn toàn có khả năng tự cung ứng thực phẩm cho cư dân. Một khung thép có nhiệm vụ giữ vững lõi chịu tải trọng của cả tổ hợp. Toàn bộ công trình theo phương thẳng đứng, với hệ balat dưới dạng các thước đo độ. Nhờ hệ balat này cả tổ hợp có thể di chuyển. Trong tổ hợp, cư dân sẽ sinh sống, làm việc, nghỉ ngơi, làm nông... tức là có thể sống một đời sống bình thường như trong một đô thị nhỏ hay một quận trên đất liền.

Mặt tiền của tổ hợp được thiết kế đảm bảo tính linh hoạt, với bố cục có thể thay đổi nhờ các cửa cuốn - các nhà thiết kế đã tạo cho tổ hợp một mặt ốp kính hết sức đa dạng về phong cách và tỷ lệ kết hợp.

### Kết luận

Các giải pháp quy hoạch - kiến trúc đô thị trên biển luôn được quyết định bởi môi trường nước tự nhiên xung quanh, bởi vị trí chính xác của công trình, và bởi sự cần thiết xây dựng một phong cách kiến trúc thống nhất cho các tòa nhà/ công trình trong cả tổ hợp. Nguyên tắc đầu tiên cho một dự án đô thị trên biển là phải xem xét phân vùng chức năng, tỷ lệ diện tích các nhà ở tương thích, hướng nhà theo chiều gió và



*Dự án tổ hợp tự hành trên biển Bắc (Nga)*

ánh sáng, các đặc tính kỹ thuật khác.

Đối với nước Nga, ngoài dự án tổ hợp tự hành cho thêm lục địa biển Bắc, dự án nhà máy điện hạt nhân nổi đầu tiên trên thế giới (dự kiến đưa vào vận hành từ năm 2016, thời hạn khai thác 50 năm tại môi trường cực kỳ khắc nghiệt vùng Bắc Cực) và một số dự án nhà máy điện hạt nhân nổi khác sẽ được triển khai trong thời gian tới đây đã chứng minh cho những tiến bộ vượt bậc của Nga trong việc khám phá, chinh phục và mang lại cuộc sống tiện nghi cho những vùng xa xôi hẻo lánh - cho dù là đại dương, những nơi còn nhiều khó khăn về tăng trưởng kinh tế do điều kiện địa lý, do thiếu nguồn năng lượng và thiếu những thứ thiết yếu khác cho cuộc sống của con người.

**A.Gureev**

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc & Xây dựng Nga  
(tháng 01/2015)*

**ND: Lê Minh**

## **Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2015**

Thiết thực chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước và hướng tới kỷ niệm 125 năm ngày sinh nhật Bác; trong không khí thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng, ngày 14/5/2015 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2015.

Tới dự Hội nghị có Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà; Phó Chủ tịch thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Trần Thanh Hải; bà Trần Thị Hà, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Ban Thi đua khen thưởng TW; lãnh đạo Công đoàn Xây dựng Việt Nam (XDVN); lãnh đạo Công đoàn các Bộ ngành TW, Liên đoàn Xây dựng Hà Nội, đại diện Công đoàn các Tổng công ty, các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng, cùng 252 cá nhân là gương điển hình lao động giỏi, lao động sáng tạo của ngành Xây dựng được biểu dương tại Hội nghị lần này.

Theo bà Nguyễn Thị Thủy Lệ - Phó Chủ tịch thường trực Công đoàn XDVN, Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo trong ngành Xây dựng là hoạt động thường niên của Công đoàn XDVN và Bộ Xây dựng, nhằm tôn vinh những tấm gương điển hình trong lao động sản xuất, đồng thời đề ra phương hướng cho công tác thi đua khen thưởng trong những năm tiếp theo của toàn Ngành, thể hiện nỗ lực vượt mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Chính phủ đã giao cho ngành Xây dựng Việt Nam của toàn thể CBCNV trong Ngành.

Tại Hội nghị, Phó Chủ tịch Công đoàn XDVN Đỗ Văn Quảng đã báo cáo tóm tắt kết



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu chỉ đạo Hội nghị*

quả phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo năm 2014 của Ngành. Báo cáo nêu rõ: Hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, thi đua yêu nước đã trở thành truyền thống quý báu, là nét đẹp của ngành Xây dựng. Qua các phong trào thi đua, CBCNV Ngành ngày càng khẳng định bản lĩnh vững vàng, tài trí sáng tạo, ý chí vươn lên làm chủ công nghệ tiên tiến trong thiết kế, thi công, xây dựng và sản xuất VLXD. Năm 2014, trong bối cảnh kinh tế cả nước còn nhiều khó khăn, ngành Xây dựng đã đạt được những thành công đáng khích lệ. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội cơ bản của Ngành đảm bảo duy trì mức tăng trưởng theo kế hoạch đề ra. Công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế phù hợp với cơ chế thị trường, đặc biệt 03 bộ Luật quan trọng bao gồm Luật Xây dựng (sửa đổi), Luật Nhà ở (sửa đổi), Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi) với những tư tưởng đổi mới, có tính đột phá đã khẳng định thêm vai trò quan trọng của ngành Xây dựng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn được tập trung thực hiện và có nhiều đổi mới; công tác phát triển nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia tiếp tục được đẩy mạnh, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã





Lễ trao tặng Bằng khen và các phần thưởng thi đua cho các cá nhân xuất sắc

hội... Trong những thành tích rất đáng tự hào đó có phần đóng góp không nhỏ của đội ngũ CBCNV toàn Ngành, thông qua các phong trào, chiến dịch thi đua trên khắp chiều dài đất nước: chiến dịch thi đua 300 ngày đêm trên công trường xây dựng nhà máy thủy điện Lai Châu, phong trào thi đua trên công trình Nhà Quốc hội kịp tiến độ bàn giao vào tháng 10/2014 để phục vụ kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII; phong trào thi đua tại các dự án cầu Bông, cầu Đồng Nai; phong trào thi đua hoàn thành bàn giao đúng tiến độ nhà ở xã hội tại khu đô thị Đặng Xá (Gia Lâm, Hà Nội), nhà ga T2 Nội Bài...

252 cá nhân tiêu biểu của ngành Xây dựng được vinh danh tại Hội nghị lần này chính là 252 bông hoa tươi thắm, đại diện cho gần 300 nghìn CBCNV toàn Ngành. Đó là những đại diện xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, góp phần xây dựng đơn vị của mình phát triển bền vững, đồng thời xây dựng môi trường lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; góp phần xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh.

Tại Hội nghị, có 03 cá nhân được vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba; 11 cá nhân vinh dự nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 16 cá nhân được nhận Bằng Lao động sáng tạo; 32 cá nhân được nhận Bằng khen của BCH Tổng Liên đoàn LĐVN; 32 cá nhân được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; và 158 cá nhân được nhận bằng

khen của Công đoàn XĐVN.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, thay mặt Ban Cán sự Đảng và Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Phạm Hồng Hà đã nhiệt liệt chúc mừng và biểu dương 252 tấm gương điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo của ngành Xây dựng. Thứ trưởng nhấn mạnh: Các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo vốn là nét đẹp truyền thống của Ngành. Kết quả từ những phong trào thi đua của toàn ngành đã góp phần to lớn cho thành công của các phong trào thi đua trên cả nước, khẳng định vai trò vị thế của ngành trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Bày tỏ vui mừng và tự hào trước những thành tích chung của ngành cũng như thành tích của mỗi cá nhân, mỗi tập thể được vinh danh ngày hôm nay, Thứ trưởng cũng đề nghị: để các phong trào thi đua nhân rộng và có sức lan tỏa mạnh mẽ hơn, Công đoàn XĐVN cần quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác thi đua khen thưởng; tránh hình thức, phô trương; kịp thời động viên tinh thần hăng say và ý thức làm việc của người lao động; bảo vệ lợi ích hợp pháp cho người lao động. Đồng thời, cần bám sát nhiệm vụ của từng phong trào thi đua; tổ chức và phát động thi đua theo đợt, theo chuyên đề, chú trọng phong trào thi đua tại các vùng sâu, vùng xa - nơi người lao động còn gặp nhiều khó khăn trong đời sống vật chất và tinh thần.

Chúc mừng 252 cá nhân được tôn vinh tại Hội nghị, thay mặt Tổng Liên đoàn LĐVN, Phó Chủ tịch thường trực Trần Thanh Hải cũng bày tỏ mong muốn và tin tưởng rằng các cá nhân điển hình tiên tiến năm 2015 của ngành Xây dựng sẽ tiếp tục phát huy tinh thần vượt khó, phát huy sự tự chủ, năng động và sáng tạo, xứng đáng là những đầu tàu gương mẫu tiếp tục có sức lan tỏa trong các cơ quan, đơn vị, xứng đáng là nòng cốt trong các phong trào thi đua yêu nước sắp tới của ngành Xây dựng.

Lệ Minh



## **Đoàn công tác Ban Chỉ đạo Đề án “Đổi mới và nâng cao hiệu quả giám định tư pháp” làm việc với Bộ Xây dựng**

Ngày 07/5/2015, Đoàn công tác của Ban Chỉ đạo Đề án “Đổi mới và nâng cao hiệu quả giám định tư pháp” do Phó Trưởng ban Nội chính Trung ương Phạm Anh Tuấn dẫn đầu đã có buổi làm việc tại Bộ Xây dựng để kiểm tra việc thực hiện Đề án. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng, Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng Phạm Minh Hà và đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện, Văn phòng Bộ Xây dựng đã làm việc với đoàn.

Thay mặt lãnh đạo Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Phó Cục trưởng Phạm Tiến Văn đã báo cáo với Đoàn công tác về tình hình triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp” của Bộ Xây dựng.

Theo báo cáo, trên cơ sở Luật Giám định tư pháp có hiệu lực thi hành từ ngày -01/01/2013, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 04/TT-BXD ngày 22/4/2014 hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng, trong đó quy định về điều kiện năng lực, công bố thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp, áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn về giám định tư pháp, hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện giám định tư pháp và chi phí giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Để nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng, Bộ Xây dựng đã tích cực xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của ngành Xây dựng; triển khai các chương trình, dự án nâng cao năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng, trong đó chú trọng công tác đào tạo nhân lực, xây dựng giáo trình, tài liệu đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ liên quan đến công tác thí nghiệm, quan trắc, kiểm định, giám định; tăng cường cơ sở vật chất, trang



*Toàn cảnh buổi làm việc*

thiết bị cho các Trung tâm kiểm định xây dựng thuộc các Sở Xây dựng trên cả nước.

Theo Phó Cục trưởng Phạm Tiến Văn, mặc dù công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng liên quan đến nhiều kỹ thuật chuyên sâu, chi phí thực hiện lớn, số lượng các tổ chức giám định tư pháp xây dựng chưa nhiều, năng lực của một số tổ chức giám định tư pháp còn hạn chế, công tác thẩm định phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí giám định tư pháp thường chậm và còn nhiều vướng mắc, nhưng nhìn chung, hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng do Bộ Xây dựng chỉ đạo đã đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan tổ tụng, đặc biệt là trong những vụ việc sự cố chất lượng công trình nghiêm trọng xảy ra trong những năm gần đây như sự cố cầu Cần Thơ, sự cố vỡ đường ống nước Sông Đà, sự cố vỡ đập thủy điện IaKrel 2, sự cố hầm thủy điện Đạ Dâng, sự cố sập giàn thép cốp pha trượt tại Dự án Formosa...

Tại buổi làm việc, đại diện các đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng đã giải đáp và trao đổi thông tin với các thành viên của Đoàn công tác gồm Ban Nội chính Trung ương, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công An, Tòa án nhân dân tối cao, nhằm làm rõ thêm các nội dung của báo cáo triển khai

thực hiện Đề án “Đổi mới và nâng cao hiệu quả giám định tư pháp” của Bộ Xây dựng, đồng thời cũng đề xuất một số kiến nghị để Đoàn công tác tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Đề án để nghiên cứu, giải quyết.

Phát biểu tại buổi làm việc, thay mặt Đoàn công tác, Phó Trưởng ban Nội chính Trung ương Phạm Anh Tuấn hoan nghênh và đánh giá cao công tác chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị nội dung và tổ chức buổi làm việc của Bộ Xây dựng đối với đoàn kiểm tra, nội dung báo cáo của Bộ Xây dựng cơ bản đáp ứng yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Theo Phó Trưởng ban Nội chính Trung ương Phạm Anh Tuấn, công tác giám định tư pháp trước đây và công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng những năm qua trong thực tế có những vướng mắc, trong đó có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan: một số quy định pháp luật về giám định tư pháp còn bất cập; nhiều tổ chức, cá nhân giám định tư pháp ngại va chạm, tránh né nên không tích cực tham gia; đôi khi cơ quan tố tụng yêu cầu tổ chức giám định, cá nhân giám định không đủ năng lực; việc thanh toán chi phí giám định chậm, giải ngân gặp vướng mắc...

Về việc triển khai thực hiện Đề án, Phó Trưởng ban Nội chính Trung ương Phạm Anh Tuấn ghi nhận những kết quả tích cực mà Bộ

Xây dựng đã làm được, trong đó có việc hoàn thiện thể chế, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đáp ứng đầy đủ cho công tác giám định. Trong thực tế việc triển khai giám định tư pháp đối với các vụ việc điển hình đã đáp ứng được yêu cầu của cơ quan tố tụng cả về tiến độ thực hiện và chất lượng công việc giám định.

Thống nhất với các kiến nghị đề xuất của Bộ Xây dựng, Phó Trưởng ban Nội chính Trung ương Phạm Anh Tuấn đề nghị trong thời gian tới, Bộ Xây dựng cần chú trọng quan tâm một số nội dung như thu hút các tổ chức, cá nhân có năng lực tham gia hoạt động giám định tư pháp; rà soát, củng cố và bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác giám định tư pháp; bổ sung, sửa đổi các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên môn, đảm bảo đủ cơ sở pháp lý cho hoạt động giám định tư pháp; khảo sát, thống kê và đánh giá toàn diện tình trạng nợ đọng chi phí giám định của các cơ quan tố tụng, tăng cường trao đổi thông tin và phối hợp với các cơ quan tố tụng để giải quyết vấn đề này; tăng cường công tác kiểm tra tình hình tổ chức giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Minh Tuấn

## **Cuộc họp lần thứ II Ban Điều phối Dự án hạ tầng kỹ thuật “Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị ở Việt Nam”**

Ngày 11/5/2015 tại Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Tiến đã chủ trì cuộc họp lần thứ II Ban Điều phối Dự án hạ tầng kỹ thuật “Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn đô thị ở Việt Nam”. Tham dự cuộc họp này có ông Naohiro Yoshida - đại diện Văn phòng

JICA tại Việt Nam, ông Trần Anh Tuấn - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật - Giám đốc Dự án, và các bên liên quan của Dự án gồm các Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế, Sở Xây dựng Hà Nội, Ban Duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị Hà Nội, Công ty URENCO Hà Nội.



*Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến phát biểu kết luận cuộc họp*

Phát biểu khai mạc, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến cho biết, cuộc họp này được tổ chức nhằm xem xét tình hình thực hiện Dự án, kiểm điểm các việc đã làm được trong năm và thảo luận kế hoạch triển khai dự án trong năm 2015 của Ban Điều phối.

Trình bày tại Hội nghị, Giám đốc Dự án Trần Anh Tuấn trình bày Ban Điều phối Dự án (JCC) đã tổ chức cuộc họp lần thứ nhất tại Bộ Xây dựng vào ngày 08/7/2014, thống nhất các nội dung và kế hoạch triển khai dự án. Trong năm 2014, các hoạt động của Dự án đã được đoàn chuyên gia JICA (JET) phối hợp với Cục Hạ tầng kỹ thuật và các đối tác liên quan thực hiện và đã đạt được những kết quả tích cực.

Hợp phần 1 của Dự án (tăng cường thể chế, nâng cao năng lực về quản lý, hoạch định chính sách cho Bộ Xây dựng) đã tiến hành thu thập, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về chất thải rắn (CTR); góp ý cho Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2007/NĐ-CP về quản lý CTR và Dự thảo Nghị định quản lý chất thải và phế liệu; xây dựng biểu mẫu thu thập dữ liệu về quản lý CTR và tổ chức thu thập dữ liệu thí điểm tại 06 tỉnh gồm Quảng Ninh, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Tây Ninh, Kiên Giang. Kết quả thu thập dữ liệu thí điểm được tổng kết, đánh giá. Biểu mẫu thu thập dữ liệu được điều chỉnh và đơn vị tư vấn được lựa chọn đã bắt đầu triển khai thu thập dữ liệu trong cả nước từ tháng



*Toàn cảnh cuộc họp của Ban Điều phối dự án*

4/2015. Tổ chức Hội thảo “Quản lý tổng hợp CTR tại Việt Nam” và Hội thảo “Quản lý tổng hợp CTR - xu hướng thế giới về quản lý CTR và khả năng ứng dụng tại Việt Nam”. Tổ chức 02 chương trình giao lưu học tập với sự tham gia của nhiều tỉnh, thành phố.

Hợp phần 2 của Dự án (tăng cường năng lực cho Sở Xây dựng Hà Nội về thực hiện quản lý CTR) đã xây dựng kế hoạch chi tiết và thống nhất với Ban Duy tu - Sở Xây dựng Hà Nội về kế hoạch triển khai Dự án; khảo sát, đánh giá tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt, CTR xây dựng và bùn bể tự hoại của thành phố Hà Nội; khảo sát, nghiên cứu lựa chọn Khu xử lý CTR Nam Sơn là Khu xử lý CTR mục tiêu để thực hiện việc nghiên cứu tiền khả thi về tái sử dụng diện tích đã chôn lấp CTR của Khu xử lý; Lập dự án tiền khả thi, bước đầu đã tổ chức khảo sát, thu thập số liệu, phân tích thành phần CTR chôn lấp tại Khu xử lý CTR Nam Sơn, đã lập Báo cáo đầu kỳ vào tháng 4/2015.

Hợp phần 3 (Hỗ trợ kỹ thuật cho Bộ Xây dựng trong việc lập quy hoạch Quản lý tổng hợp CTR thông qua việc thực hiện thí điểm tại 01 địa phương) đã khảo sát thực tế và thống nhất lựa chọn Thừa Thiên Huế là địa phương thí điểm lập Quy hoạch quản lý CTR. Đoàn chuyên gia JICA đã phối hợp với Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế lập nhiệm vụ quy hoạch xử lý CTR tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, đã trình và được

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt vào tháng 3/2015.

Hợp phần 4 (Đào tạo, nâng cao năng lực về quản lý CTR đô thị cấp trung ương và địa phương) đã tổ chức 02 đợt tập huấn ngắn hạn tại Nhật Bản vào tháng 11/2014 cho 25 cán bộ các Bộ ngành, Sở Xây dựng Hà Nội, URENCO và tỉnh Thừa Thiên Huế.

Phát biểu tại cuộc họp, đại diện JICA Việt Nam, ông Naohiro Yoshida ghi nhận những nỗ lực của Bộ Xây dựng, các đối tác và đoàn chuyên gia JET trong năm thực hiện đầu tiên của Dự án, nhờ những nỗ lực và sự hợp tác của các bên liên quan, Dự án đã đạt được những

thành công đáng kể. Ông Yoshida cũng mong muốn, các bên liên quan sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ để hoàn thành các mục tiêu của Dự án trong năm 2015 theo kế hoạch.

Sau khi nghe ý kiến của các bên liên quan Dự án, báo cáo của ông Hideki Wada - Trưởng đoàn chuyên gia JET về kế hoạch triển khai Dự án năm 2015, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến đã phát biểu kết luận cuộc họp và chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai tiếp các công việc theo kế hoạch của Dự án.

**Minh Tuấn**

## **Hội nghị về thực hiện quy chế dân chủ ở doanh nghiệp**

Ngày 12/5/2015 tại Hà Nội, Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thực hiện quy chế dân chủ ở doanh nghiệp với sự tham gia của lãnh đạo, ban chấp hành công đoàn của 08 doanh nghiệp tư vấn trực thuộc khối cơ quan Bộ Xây dựng. Phó Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Đỗ Văn Quảng, Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng Trần Thị Lựu đã đến dự và phát biểu tại Hội nghị.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng Trần Thị Lựu cho biết, hiện nay, trực thuộc khối cơ quan Bộ Xây dựng có 08 công ty tư vấn với số lượng lao động khoảng trên 2.000 người. Trong nhiều năm trở lại đây, công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo về sự vi phạm chế độ, chính sách của người sử dụng lao động đối với người lao động, qua đó thể hiện các đơn vị đã thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Theo Chủ tịch công đoàn Trần Thị Lựu, vấn đề thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở doanh nghiệp gồm các nội dung: xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở doanh nghiệp; xây dựng, ký kết, sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể, trong đó có quy định một



*Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng Trần Thị Lựu phát biểu khai mạc Hội nghị*

số điều, khoản có lợi hơn cho người lao động; tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm; tổ chức đối thoại giữa chủ sử dụng lao động và người lao động; các nội dung khác liên quan đến việc thực hiện các quy chế dân chủ cơ sở ở doanh nghiệp.

Chủ tịch Trần Thị Lựu bày tỏ, thông qua Hội nghị này, các doanh nghiệp thuộc khối cơ quan Bộ Xây dựng sẽ chia sẻ thông tin, sáng kiến, kinh nghiệm về việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ của đơn vị cũng như có những kiến nghị để xây dựng các quy chế dân chủ cho phù hợp, đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa người sử dụng lao động và người lao động, đảm bảo





Toàn cảnh Đại hội

sự phát triển ổn định của doanh nghiệp.

Hội nghị đã nghe 07 tham luận của các đơn vị và tham luận của Ban Chính sách - pháp luật Công đoàn Xây dựng Việt Nam cũng như ý kiến chỉ đạo của đồng chí Đỗ Văn Quảng – Phó Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam.

Qua tham luận và ý kiến phát biểu của các đơn vị tham gia Hội nghị cho thấy, nhìn chung công đoàn các đơn vị đã phối hợp chặt chẽ với người sử dụng lao động trong việc xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Có nhiều đơn vị xây dựng các điều khoản của quy chế có lợi hơn cho người lao động so với

các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật; việc làm và thu nhập và các chế độ, chính sách đối với người lao động được đảm bảo.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Đỗ Văn Quảng biểu dương Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng trong việc tổ chức Hội nghị về thực hiện quy chế dân chủ ở doanh nghiệp để các doanh nghiệp thuộc khối cơ quan Bộ Xây dựng nhìn nhận lại việc thực hiện quy chế dân chủ ở đơn vị mình, đồng thời giao lưu, học hỏi kinh nghiệm của đơn vị bạn. Phó Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Đỗ Văn Quảng cũng bày tỏ mong muốn Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng tiếp tục phát huy sáng kiến này, tổ chức nhiều hội nghị với các chuyên đề khác nhau, nhằm tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, đồng thời nâng cao nhận thức, kỹ năng đối với cán bộ công đoàn và người sử dụng lao động trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng trong việc bảo đảm và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Minh Tuấn

## **Nội hàm về văn hóa trong xây dựng quy hoạch xây dựng đô thị**

Văn hóa đô thị như là nội dung chủ yếu thể hiện ra bên ngoài của một đô thị, được thể hiện ra bằng những nội hàm văn hóa hay những văn hóa được tích lũy từ bao đời nay của đô thị, là cửa sổ tâm hồn của đô thị. Vì thế, tại thời kỳ lịch sử mới hiện nay, trong quá trình xây dựng quy hoạch đô thị cần thực hiện xây dựng văn hóa đô thị một cách khoa học hóa, và nên làm tốt một số mặt công tác sau:

### **1. Tăng cường bảo vệ văn hóa đô thị**

Bảo vệ văn hóa đô thị là nội dung quan trọng của xây dựng quy hoạch đô thị, cũng là nguyên tố quan trọng trong quá trình phát triển của đô thị hiện đại, một đô thị luôn coi trọng văn

hóa thì luôn có thể phát triển bền vững, và lại càng có thể thể hiện rõ hình tượng mang nội hàm sung túc của một đô thị. Văn hóa của đô thị không được sao chép, cũng không thể bắt chước, và nguyên tố văn hóa đặc sắc rõ nét, thể hiện ra là một đô thị có nội dung đa dạng phong phú. Nhưng trong tiến trình phát triển văn minh hiện đại thì việc bảo vệ văn hóa đô thị trong xây dựng quy hoạch đô thị đang đối diện với nhiều gian khó và những mâu thuẫn vốn có, thắt chặt mặt chính của công tác phát triển và bảo vệ, để làm cho lớp người hiện đại có thể nhận thức một cách sâu xa về tính quan trọng của văn hóa đô thị. Vì thế, trong việc xây dựng



quy hoạch đô thị cần tăng cường bảo vệ văn hóa đô thị, xây dựng nên một đô thị hiện đại mang nét đặc sắc vốn có của riêng mình, trong quá trình tiến hành thúc đẩy đô thị hiện đại hóa không thể thiếu một nền tảng quan trọng.

#### *Làm tốt công tác bảo vệ di sản văn hóa*

Đô thị khi trải qua những năm tháng lịch sử lâu dài đã tích lũy được những di sản văn hóa vật chất có giá trị. Trong quá trình xây dựng quy hoạch đô thị những di sản lịch sử mang nặng ý nghĩa này được cho là rất yếu đuối và trân quý. Vì thế đô thị trong quá trình xây dựng quy hoạch thành cổ nên chú trọng bảo vệ di sản văn hóa lịch sử. Một mặt, cần làm tốt công tác khảo sát thực địa trước quá trình xây dựng cải tạo, đồng thời cần thiết kế một cách khoa học hợp lý phương án cải tạo; mặt khác, cần tôn trọng tính quan trọng của di sản văn hóa lịch sử, không thể coi đó là vật hy sinh của tiến trình phát triển của đô thị, mà nhiều hơn nữa là xây dựng biện pháp bảo vệ tương ứng, tiến hành bảo vệ một cách đa dạng hóa đối với di sản văn hóa.

#### *Làm tốt công tác khai thác và sử dụng tài nguyên văn hóa*

Trong công tác xây dựng quy hoạch đô thị cần hết sức bảo vệ sử dụng và khai thác tài nguyên của đô thị. Hai điều này về bản chất là không giống nhau, quan trọng ở chỗ làm thế nào xem xét kỹ lưỡng và phát hiện ra văn hóa đô thị, để văn hóa đô thị được thể hiện như là một chiếc vé của đô thị. Đồng thời xây dựng quy hoạch đô thị cần định vị đúng phương hướng phát triển đô thị, để văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại của đô thị có thể kết hợp một cách hài hòa. Như, xây dựng những địa danh văn hóa lịch sử, dựa vào văn hóa làm cho quá trình xây dựng đô thị hiện đại hóa được tốt hơn nữa. Để làm cho nguồn tài nguyên văn hóa lịch sử trở thành địa danh hoa lệ của Vũ Hán thì Vũ Hán sẽ tiến hành định vị và chỉnh hợp lại đối với nguồn tài nguyên văn hóa lịch sử của toàn tỉnh, thích hợp với địa phương, hình thành lên một nguồn tài nguyên văn hóa lịch sử

đặc sắc đa dạng phân bố có cách thức và kết cấu cụ thể.

## **2. Hoàn thiện công tác đầu tư xây dựng văn hóa**

#### *Chú trọng xây dựng cơ sở văn hóa*

Cùng với sự phát triển không ngừng của xã hội hiện đại thì người hiện đại theo đuổi văn hóa không chỉ là đơn thuần nữa mà lại càng theo đuổi tinh thần văn hóa càng được nhấn mạnh và đa dạng hơn. Vì thế trong quá trình xây dựng quy hoạch đô thị không nên coi thường nhu cầu của quần chúng nhân dân đối với việc xây dựng văn hóa. Do đó cần chú trọng xây dựng các cơ sở hạ tầng văn hóa như viện mỹ thuật, viện bảo tàng..., đảm bảo văn hóa đô thị và đô thị cùng phát triển một cách song hành, mới có thể thể hiện được sự phát triển hài hòa của một đô thị. Đồng thời, trước mắt việc xây dựng quy hoạch đô thị thiếu hụt xây dựng cơ sở văn hóa nền tảng, điều này nhấn mạnh trong quá trình xây dựng quy hoạch từ nay về sau cần coi trọng xây dựng về mặt này, để từng bước đáp ứng nhu cầu văn hóa của quần chúng nhân dân.

#### *Chú trọng sáng lập kênh dịch vụ văn hóa*

Đô thị phát triển nhanh chóng thì cùng lúc làm cho con người cảm nhận được tốc độ phát triển nhanh chóng mà cũng làm cho người dân đều cảm thấy thiếu một cái gì đó. Vậy thì thiếu ở đây là thiếu cái gì? Tác giả cho rằng đó chính là văn hóa đô thị, là dấu kín đi văn hóa trong tâm của lớp người ở thế hệ trước. Vì thế trong quá trình xây dựng quy hoạch đô thị cần chú trọng sáng lập kênh dịch vụ văn hóa, như tăng cường xây dựng điểm văn hóa cơ sở, đi sâu vào trong quần chúng nhân dân, hiểu được nhu cầu văn hóa đối với quần chúng nhân dân, có khả năng cung cấp dịch vụ văn hóa một cách cân đối và hợp lý, đây là nhu cầu cần thiết trong quá trình phát triển văn hóa đô thị.

Điểm văn hóa là kênh quan trọng của dịch vụ văn hóa nền tảng, dựa vào tính thuận lợi trong việc gắn gũi với quần chúng và đi sâu vào quần chúng đã trở thành nguyên tố quan trọng

và không thể thiếu của kênh dịch vụ văn hóa và trong quá trình xây dựng quy hoạch đô thị. Trong việc sáng lập kênh dịch vụ văn hóa của đô thị, một là cần củng cố và hoàn thiện xây dựng mạng lưới văn hóa, để làm cho dịch vụ văn hóa trở thành dịch vụ xã hội, đặc biệt là nội dung quan trọng của dịch vụ nền tảng; hai là không ngừng nâng cao chức năng dịch vụ văn hóa chính của tỉnh, xây dựng cần có cơ sở dịch vụ đặc sắc của thành phố đó. Như về mặt truyền tải và bảo hộ văn hóa ở Trùng Khánh, một mặt biên chế 5 chức năng chính về quy hoạch tổng thể bảo hộ di sản văn hóa của khu vực tỉnh; mặt khác khu vực trung tâm chức năng của thành phố và mở rộng khu vực trọng điểm cần làm tốt và “sáng” hơn nữa, tập trung tu sửa di sản văn hóa ở Trùng Khánh, để có thể thể hiện nét đặc sắc của địa phương trong công tác xây dựng dịch vụ văn hóa; ba là đẩy mạnh trình

độ dịch vụ văn hóa công cộng, thông qua việc tăng cường đầu tư vốn, hoàn thiện công tác xây dựng văn hóa.

Tóm lại trong quá trình xây dựng quy hoạch đô thị cần chú trọng sử dụng và bảo vệ văn hóa đô thị, càng cần phải chú trọng xây dựng văn hóa đô thị. Dưới môi trường xã hội đa dạng hóa cần cùng lúc thực hiện phát triển văn hóa và phát triển đô thị, từ đó mới càng có thể làm bộc lộ rõ ra đó là một đô thị mang tính hài hòa trong công tác phát triển văn hóa hiện đại, làm cho người dân trong đô thị cảm nhận một cách sâu sắc hơn về nơi họ sinh sống.

**Lý Canh**

Nguồn: Tạp chí xây dựng đô thị và nông thôn số 2/2015

**ND: Khánh Ly**

## **Thượng Hải hoàn thiện hệ thống cung ứng nhà ở**

Quy hoạch phát triển nhà ở là làm chắc chắn định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển nhà ở của chính phủ. Công tác này có tác dụng quan trọng đối với việc hướng dẫn sắp xếp bố trí những nguồn tài nguyên có liên quan, phối hợp nhịp nhàng quan hệ kinh tế vĩ mô và phát triển nhà ở, thúc đẩy cải thiện dân sinh. Thành phố Thượng Hải sẽ thực hiện mục tiêu quy hoạch phát triển nhà ở theo kế hoạch 5 năm lần thứ 12 và dựa theo hai hệ thống lớn đó là “hệ thống ba nguyên tắc chính” và “hệ thống 4 trong 1”, nỗ lực hoàn thiện chế độ cung ứng nhà ở “đa kênh, phân cấp và thành một hệ thống”, phát huy tác dụng của tính quyết định trong việc sắp xếp nguồn tài nguyên trên thị trường, lại thể hiện tác dụng chủ đạo của chính phủ trong việc đảm bảo dân sinh, làm cho nhiều người dân có thể nhận được thành quả của công tác phát triển nhà ở.

**1. Năm bắt một cách kỹ lưỡng về nguyên tắc phát triển nhà ở theo hệ thống 3 nguyên tố chính**

Ba nguyên tố chính đó là lấy nhà ở làm chủ, lấy việc tiêu thụ của người dân thành thị làm chủ và lấy nhà ở thương phẩm phổ thông làm chủ. Điều này được đưa ra trên cơ sở phân tích mâu thuẫn chủ yếu về phát triển nhà ở và hiện trạng kinh tế xã hội của một thành phố đặc biệt lớn, là chỉ đạo nguyên tắc cơ bản trong phát triển nhà ở ở Thượng Hải, là hòn đá tảng trong việc điều tiết hệ thống xây dựng nhà ở xã hội và thị trường bất động sản ở Thượng Hải, phát huy tác dụng quan trọng của kế hoạch 5 năm lần thứ 12 trong công tác thực thi và biên chế quy hoạch.

Đầu tiên, công tác quy hoạch phát triển nhà ở là điểm đứng của một tư tưởng thống nhất. Quy hoạch phát triển nhà ở bao hàm các lĩnh vực nội bộ của ngành công nghiệp quản lý nhà ở và nhà ở xã hội, đồng thời cũng có liên quan tới một số cơ quan và ngành công nghiệp khác, trong quá trình thực thi quy hoạch thông qua việc đối chiếu tư tưởng thống nhất về ba nguyên tố làm chính để từ đó có thể kết hợp

một cách nhịp nhàng hơn.

Thứ hai quy hoạch phát triển nhà ở là điểm hỗ trợ cho chính sách chế định. Cho dù là khi hoàn thiện chính sách nhà ở xã hội, còn phải hoàn thiện về mặt điều tiết thị trường bất động sản hoặc ở mặt cải tạo những khu vực cũ xưa, chế định chính sách và hình thành đường lối có tương quan, đều lấy nguyên tắc “ hệ thống 3 nguyên tắc chính” làm hỗ trợ, hết sức xem xét tới nhu cầu cơ bản về nhà ở đối với người dân.

Thứ ba quy hoạch phát triển nhà ở là hoàn thiện các tiêu điểm tập trung của các biện pháp. Các biện pháp của kế hoạch 5 năm lần thứ 12 được tập trung ở nguyên tắc : hệ thống 3 nguyên tố chính, điều này có lợi với việc hình thành công tác hợp lực. Đất đai được cung ứng ưu tiên cho việc xây dựng nhà ở, đặc biệt là dành cho công tác xây dựng nhà ở xã hội; kiên trì điều chỉnh kết cấu cung ứng nhà ở lấy nhà ở thương phẩm phổ thông làm chính; mức độ cải tạo nhà ở cũ nát vẫn tiếp tục được tăng cường, cần có nhiều kênh giải quyết những vấn đề khó khăn về nhà ở.

## **2. Không ngừng hoàn thiện hệ thống đảm bảo nhà ở “ hệ thống 4 trong 1”**

Nhà ở xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng của quy hoạch phát triển nhà ở theo kế hoạch 5 năm lần thứ 12 ở Thượng Hải. Quy hoạch đưa ra mục tiêu xây dựng hệ thống nhà ở xã hội “ 4 trong 1” đó là nhà ở cho thuê, cung cấp nhà ở xã hội cùng có quyền tài sản, nhà ở cho thuê công cộng và nhà ở tái định cư, để có thể tổng hợp sắp xếp và phân loại giải quyết vấn đề khó khăn về nhà ở đối với những gia đình có thu nhập trung bình và thấp. Trong đó đối với những gia đình có thu nhập thấp và gặp khó khăn về nhà ở thuộc hộ khẩu thành phố và thị trấn thì có thể dựa chính sách nhà ở cho thuê; đối với những hộ gia đình có thu nhập vừa và thấp gặp khó khăn về nhà ở thì có thể dựa theo chế độ nhà ở xã hội cùng có quyền tài sản; đối với những thanh niên công chức của thành phố có nhu cầu về nhà ở mang tính giai đoạn

hay những nhân tài, nhân viên nghề nghiệp và những người ở nơi khác tới thì có thể cung cấp loại nhà ở cho thuê; đối với những gia đình gặp khó khăn về nhà ở thuộc khu vực bị trung thu nhà ở để cải tạo của khu vực cũ nát thì có thể định hướng cung cấp nhà ở tái định cư.

Đồng thời tích cực thăm dò cơ chế quản lý nhà ở cho thuê cải tạo tổng hợp nhà ở cũ nát, đất xây dựng tập thể nông thôn và xây dựng nhà ở cho thuê. Một hệ thống chế độ thiết kế thể hiện khái niệm “ bảo vệ cơ bản, bao phủ rộng và có thể duy trì lâu bền”. Ở khung chế độ này dựa theo nguyên tắc thắt chặt ban đầu và làm lỏng về sau dần dần thả lỏng tiêu chuẩn về nhà ở xã hội, đồng thời chế định ra một loạt hệ thống chính sách đồng bộ. Trong kỳ của kế hoạch 5 năm lần thứ 12 không ngừng mở rộng mặt bao phủ nhà ở xã hội, tiếp tục tăng cường khả năng cung ứng và xây dựng làm cho những mâu thuẫn về nhà ở ở Thượng Hải có thể giảm bớt được đáng kể.

## **3. Tích cực phát huy tác dụng nhịp nhàng giữa các cơ quan**

Thượng Hải đóng vai trò như là một thành phố có công tác quy hoạch chuyên mục của quy hoạch phát triển xã hội và kinh tế quốc dân, việc quy hoạch phát triển nhà ở không giống với việc quy hoạch của ngành công nghiệp bất động sản hay những ngành công nghiệp khác, không thể chỉ hạn chế bởi những công tác liên quan của cơ quan này và hệ thống này, đối với yêu cầu về mục tiêu và phạm vi quy hoạch được đưa ra là tương đối rộng, cần tăng cường điều tiết nguồn tài nguyên có liên quan. Từ biên chế tới thực thi, có rất nhiều nhiệm vụ đều phải cần có sự hợp tác ngoài cơ quan và ngoài ngành, các cấp chính quyền cần cùng nỗ lực hợp sức.

Giai đoạn biên chế quy hoạch, lấy quy hoạch như là một chuyên mục chính sách công cộng, không chỉ tích cực tìm kiếm điểm chung về nhận thức giữa các cơ quan có liên quan, mà còn mở rộng thu nạp những ý kiến của những

chuyên gia học, đồng thời cần triển khai công tác “thảo luận lớn trên mạng thông tin”.

Giai đoạn thực thi quy hoạch, do dựa trên quy hoạch nên việc phối hợp nhịp nhàng càng thêm phần thuận lợi và có hiệu quả hơn. Ở mặt cung ứng đất đai, do có hạn chế của chỉ tiêu tương ứng, kịp thời khởi động công tác dự bị đất đai và chọn địa điểm quy hoạch cho dự án nhà ở, xác định đảm bảo nhu cầu sử dụng đất xây dựng nhà ở thương phẩm phổ thông và nhà ở xã hội. Trong công tác xây dựng nhà ở xã hội không chỉ phát huy tác dụng hùng mạnh của tập đoàn doanh nghiệp quốc hữu loại hình lớn, mà cũng chú ý điều động các tổ chức xã hội cùng tích cực tham gia, khai thác phát triển kênh tài chính và quỹ vốn. Trong công tác cải tạo khu vực cũ, dựa theo nhu cầu quy hoạch cần tích cực phát huy tác dụng của chính quyền hai cấp là quận và thị, và đã nhận được hiệu quả rất tốt. Sự phối hợp của công tác xây dựng chung của chính quyền và thành thị hợp tác xã nhà ở loại hình lớn đã có đồng bộ bên trong và cũng có đồng bộ bên ngoài, và đặc biệt còn bao gồm cả nhiều mặt khác như giao thông, dân chính, vệ sinh, giáo dục, văn hóa, thương nghiệp, ngân hàng, bưu điện...

#### **4. Kịp thời triển khai việc đánh giá giám sát công tác thực thi quy hoạch**

Kế hoạch 5 năm lần thứ XII đã đi vào giai đoạn thực thi, thành phố Thượng Hải đã lập tức triển khai nghiên cứu tiêu đề đánh giá động thái của quy hoạch, một là quy nạp tổng kết phương pháp đánh giá quy hoạch, hai là tiến hành theo sát đối với nội dung trọng điểm của quy hoạch. Trong thời gian quy hoạch, cục quản lý nhà ở và nhà ở xã hội của thành phố Thượng Hải đã dẫn đầu triển khai đánh giá giữa kỳ đối với quy hoạch phát triển nhà ở, để toàn diện nắm bắt tiến triển tình hình của công tác thực thi quy hoạch, kịp thời phát hiện giải quyết những vấn đề và khó khăn tồn tại trong quá trình thực thi quy hoạch, đảm bảo toàn diện hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu của quy hoạch đã đưa ra.

Trong khi đánh giá thành phố Thượng Hải còn trọng điểm tiến hành điều tra triệt để nhu cầu và cung ứng đối với nhà ở.

Thông qua đánh giá cũng xác thực phát hiện ra một số vấn đề còn tồn tại. Như quy mô lớn đồng thời thúc đẩy xây dựng nhà ở xã hội, có một số nhu cầu về nhà ở xã hội của những gia đình gặp khó khăn về nhà ở lại phát sinh thay đổi, tổng lượng cung cầu xuất hiện hiện tượng không cân bằng mang tính giai đoạn: có một số đối tượng xã hội tạm thời không đồng ý rời khỏi khu vực trung tâm để tới những khu vực ngoại ô tương đối yếu kém, có một số đối tượng tự nguyện đợi chờ những kế hoạch cải tạo khu cũ xưa mà bỏ đi cơ hội hưởng thụ những chính sách về nhà ở xã hội của chính phủ, còn có một số người dân lại càng kỳ vọng vào những cơ sở hạ tầng nhà ở cũ vốn có sẽ được tiến hành cải tạo... Do đó, khi đánh giá đã đưa ra việc điều chỉnh kết cấu cung ứng nhà ở xã hội, tăng cường khả năng xây dựng dự án đồng bộ, tăng cường các công tác kiến nghị cải tạo tổng hợp nhà ở cũ nát..., để có thể thích ứng với nhu cầu phát triển hình thức.

Từ kết quả đánh giá có thể thấy được hệ thống nhà ở xã hội được thực hiện theo hệ thống nguyên tắc 4 trong 1 ở Thượng Hải về cơ bản đã hoàn thành. Chỉ tiêu tính hạn chế của công tác cải tạo tổng hợp nhà ở cũ và cải tạo khu vực cũ...; chỉ tiêu mang tính dự kỳ về đầu tư xây dựng nhà ở, cung ứng nhà ở thương phẩm, nhà ở tiết kiệm năng lượng và ngành công nghiệp hiện đại hóa...cũng sẽ được dự tính hoàn thành vào kỳ cuối của kế hoạch 5 năm lần thứ 12. Tuy công tác thực thi và biên chế quy hoạch phát triển nhà ở đã tích lũy được một số kinh nghiệm nhưng ở các mặt như phân tích định lượng, nắm bắt nội dung và định vị quy hoạch còn tồn tại một số thiếu sót, đặc biệt là: đối với nhu cầu nhà ở cần tiến một bước nâng cao tính khoa học dự tính, cần hợp lý hơn trong công tác sắp xếp quy mô xây dựng nhà ở xã hội; đối với nhà ở xã hội cần chú trọng hơn đến

pháp luật và pháp quy trong xây dựng, nâng cao trình độ xử lý pháp luật, tăng cường quản lý giám sát sau khi cung ứng; đối với quản lý thị trường cần tuân theo quy luật tự có của thị trường, làm yếu đi sự can thiệp của hành chính, thăm dò khả năng xúc tiến cơ chế hiệu quả lâu dài của phát triển lành mạnh thị trường bất động sản.

Thành phố Thượng Hải hiện nay đã chính thức khởi động công tác nghiên cứu biên chế quy hoạch phát triển nhà ở theo kế hoạch 5 năm lần thứ 13. Bước tiếp theo Thượng Hải sẽ tiến một bước nữa thay đổi khái niệm biên chế quy hoạch, để làm nổi bật những vấn đề cần định hướng, tăng cường tư duy cải cách, thông qua nghiên cứu quy hoạch, dựa theo khái niệm nắm bắt quan hệ giữa xã hội với phát triển nhà

ở và phát triển lĩnh vực tương quan với kinh tế quốc dân trong kỳ của kế hoạch 5 năm lần thứ 13, hướng dẫn chính xác dự kỳ về phát triển nhà ở; thông qua biên chế quy hoạch, để thực hiện mục tiêu phát triển nhà ở như là điều kiện tiền đề, quản lý nguồn tài nguyên và phối hợp đồng bộ khoa học về đất đai, vốn, tài chính và thuế, tiền tệ có liên quan, làm tăng hiệu quả quy hoạch phát triển nhà ở thể hiện ở mục tiêu dung hợp và quản lý.

### **Cục quản lý nhà ở và nhà ở xã hội thành phố Thượng Hải**

*Nguồn: Tạp chí xây dựng đô thị và nông thôn số 2/2015*

**ND: Khánh Ly**

## **Nâng cao và thay đổi mô hình tiếp thị, thúc đẩy việc nâng cấp các doanh nghiệp xây dựng**

Mô hình kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng có thể chia thành bốn loại, bao gồm mô hình kinh doanh, mô hình tài chính, mô hình hoạt động và mô hình lợi nhuận. Mô hình kinh doanh là chìa khóa, căn cứ vào chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp có những loại hình kinh doanh gì, những công việc được sắp đặt theo trình tự khác nhau sẽ quyết định mô hình kinh doanh của doanh nghiệp sẽ khác nhau. Trong mô hình kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng bao gồm có EPC, BT, BOT, lĩnh vực kinh doanh trong nước và nước ngoài. Các tập đoàn xây dựng tại các tỉnh thành thành tại Trung Quốc cơ bản đều thực hiện theo các phương pháp này, nhưng chỉ là quy mô lớn nhỏ khác nhau.

### **1. Về mô hình tài chính**

Mô hình tài chính chính là thông qua IPO (phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu), thông qua liên doanh, thông qua khoản tiền cho vay của ngân hàng. Nguồn vốn của doanh nghiệp chủ yếu là từ đâu, thông qua phương

pháp nào để giải quyết vấn đề nguồn vốn?

Doanh nghiệp thi công xây dựng cần thực hiện các hoạt động tài chính, trước hết, cần lập chiến lược về tài chính, xác định tài chính phải được sử dụng và đạt các mục đích rõ ràng. Doanh nghiệp cần căn cứ vào tính chất của doanh nghiệp mình, quy mô lớn nhỏ, phạm vi kinh doanh, thời gian hoạt động, thông qua kế hoạch và thực tiễn để phân tích dữ liệu, lập ra quy mô tài chính, tối ưu hóa cơ cấu vốn, sử dụng nguồn vốn một cách hợp lý nhất và cần đa dạng các nguồn tài chính, xây dựng chiến lược tài chính một cách khoa học. Chiến lược tài chính cần tuân theo chiến lược phát triển chung của doanh nghiệp, đồng thời, cần lập kế hoạch tài chính chi tiết cho mỗi giai đoạn.

Trong quá trình hoạt động tài chính, một mặt cần lựa chọn những dự án có sức hấp dẫn các nhà đầu tư, để thực hiện thành công về lĩnh vực tài chính; mặt khác, doanh nghiệp cần hình thành tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, mang đến cho những nhà đầu tư những điều



kiện phát triển tốt nhất. Đối với một dự án có lực thu hút nhà đầu tư, cùng với một đội ngũ tài chính được đào tạo chuyên nghiệp, có thể nhìn thấy triển vọng phát triển của doanh nghiệp, chắc chắn sẽ lôi kéo được các nhà đầu tư tham gia và kết quả thành công từ dự án là rất cao.

Thị trường vốn của Trung Quốc đang trong giai đoạn trũng nước, trong quá trình hoạt động tài chính có thể kéo theo những rủi ro lớn, nên các doanh nghiệp phải đặc biệt chú trọng đến vấn đề này. Người quản lý của doanh nghiệp cần thiết lập kiến thức về rủi ro, căn cứ vào tính chất và môi trường bên ngoài của doanh nghiệp xây dựng, dự tính những rủi ro có thể tồn tại trong quá trình hoạt động tài chính, kịp thời tìm ra những những biện pháp xử lý hiệu quả.

## 2. Về mô hình hoạt động

Mô hình hoạt động bao gồm quản lý, tiếp thị và hoạt động thị trường. Quản lý chính là bằng cách nào để đảm bảo hoạt động hiệu quả, có thể đáp ứng các yêu cầu của khách hàng. Từ mô hình quản lý mà nói, trước hết chính là bố cục tổ chức của doanh nghiệp. Bộ phận đầu não chủ chốt của tập đoàn cần phải làm gì? bằng cách nào để phát huy chức năng quản lý và kiểm soát của tập đoàn? bằng cách nào để kiểm tra và khuyến khích những công ty thuộc tập đoàn? Có người cho rằng, doanh nghiệp xây dựng là thực hiện quản lý doanh nghiệp lớn hoặc là doanh nghiệp nhỏ, có thể làm cho doanh nghiệp đó mạnh lên hay yếu đi. Những doanh nghiệp khác nhau, sẽ căn cứ vào chiến lược khác nhau của mình, căn cứ vào mô hình kinh doanh khác nhau, để định vị toàn doanh nghiệp. Sau khi đã định vị xong, tiếp tục xem xét tới bằng cách nào để doanh nghiệp quản lý tốt các công ty con, các chi nhánh, bằng cách nào có thể quản lý và kiểm soát chức năng ở mức tốt nhất. Tiếp theo là tổ chức quản lý kinh doanh. Lãnh thổ của Trung Quốc khá rộng lớn, định hướng doanh nghiệp tại các khu vực cũng khác nhau. Tỉnh Giang Tô và Tỉnh Triết Giang là 2 tỉnh gần nhau, nhưng tổ chức quản lý kinh doanh của họ lại

khác nhau. Hay Khu vực Trung Bộ, Đông Bộ và Tây Bộ cũng có phương thức quản lý kinh doanh khác nhau. Cách đây không lâu, tác giả bài viết cũng đến Tây Tạng để đào tạo cho một doanh nghiệp, khi vào phần thảo luận với doanh nghiệp, phát hiện ra doanh nghiệp có 2 mô hình quản lý khác nhau, rất nhiều khái niệm tiên tiến của khu vực Đông Bộ mà Tây Tạng không thực hiện được.

## 3. Về mô hình tiếp thị

Mô hình tiếp thị trong các doanh nghiệp xây dựng thường có hiệu quả và đa dạng phương thức thực hiện. Chẳng hạn như, để nói tới thành công trong việc tiếp thị phải kể đến là mời Chủ đầu tư đến công trường để khảo sát, nếu không mời được chủ đầu tư đến công trường khảo sát, coi như mô hình tiếp thị đang thực hiện không thành công; ví dụ, phương án thi công được hay không được phải thể hiện làm sao để chủ đầu tư nắm bắt được. Hiện có rất nhiều doanh nghiệp xây dựng, trong quá trình tiếp thị đã sử dụng công nghệ 3 chiều để giới thiệu phương án thi công của mình, chỉ cần trình chiếu, không cần nói nhiều, mọi người đều có thể hiểu nội dung một cách rõ ràng. Trải nghiệm tiếp thị này không cần phải mất nhiều công sức cho việc mời chủ đầu tư đến tận công trường, thông qua trình chiếu là mọi người đều nắm được mọi việc, những doanh nghiệp lớn, hiện nay đã bắt đầu áp dụng phương pháp trình chiếu này.

Mối quan hệ tiếp thị cũng rất là quan trọng, chẳng hạn như, Tập đoàn xây dựng Long Tín ở tỉnh Giang Tô có rất nhiều kinh nghiệm để những doanh nghiệp khác học hỏi, khách hàng lớn của Tập đoàn này là Tập đoàn Nhiệm Hồng của Singapore, trong một thời gian dài, 2 tập đoàn này đã thiết lập mối quan hệ rất tốt. Thông qua mối quan hệ với Nhiệm Hồng, tập đoàn Long Tín đã thâm nhập được vào thị trường Châu Hải - Quảng Đông, Vũ Hán. Tuy nhiên, sau khi thị trường đã mở rộng thị trường ra các khu vực bên ngoài, thường gặp phải những vấn đề về bảo vệ địa bàn, đối với các doanh nghiệp mà nói, việc

bảo vệ địa bàn kinh doanh chính là một khâu quan trọng trong mối quan hệ tiếp thị và cần được chú trọng.

Làm sao có thể tiếp thị để được nhiều người biết đến thương hiệu, việc quan trọng là doanh nghiệp cần phải tạo thương hiệu, dùng thương hiệu để tạo ảnh hưởng và thu hút khách hàng.

Tiếp thị chuyên sâu, chính là làm sao các khách hàng hiểu rõ hơn về doanh nghiệp, thương hiệu doanh nghiệp mình, ngược lại, doanh nghiệp có thể hiểu được nhu cầu của khách hàng. Khi tham gia vào chứng nhận ISO9000, có một nội dung là giám sát và tìm hiểu mức độ hài lòng của khách hàng, cần hiểu được nhu cầu của khách hàng, hiểu được khách hàng không hài lòng với doanh nghiệp ở điểm nào, dựa trên những thông tin này để cải tiến trong công việc, đây chính là nội dung chuyên sâu về tiếp thị, theo tác giả bài viết, hiện ở Trung Quốc vẫn có không ít doanh nghiệp không tham gia vào phương diện này.

Cơ sở dữ liệu trong tiếp thị. Nhìn chung các doanh nghiệp đều có cơ sở dữ liệu của riêng mình, dữ liệu về các hộ, của từng địa phương, mỗi lĩnh vực đầu tư và phát triển xây dựng trọng điểm. Những dữ liệu này của doanh nghiệp đều được thu thập đầy đủ, từ những dữ liệu này có thể giúp doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội phát triển.

Lợi nhuận đến từ đâu? Đâu là phân khúc có lợi nhuận cao nhất? Bằng cách nào để nắm bắt được phân khúc có lợi này? Lợi nhuận có được

phần lớn là nhờ vào công nghệ, từ nhiều năm trước, một tập đoàn lớn của Trung Quốc đã nhận thầu một dự án lớn tại tỉnh Quảng Châu, sau khi tập đoàn này nhập công nghệ mới từ CHLB Đức, đồng thời điều chỉnh phương án thực hiện, qua đó, chi phí dự án đã giảm xuống 43%. Thông qua công nghệ mới, hiệu quả công việc được tăng lên rất nhiều lần, lợi nhuận mang lại cho doanh nghiệp cũng tăng, kết hợp cùng với phương pháp quản lý tốt, nên khi thực hiện các dự án xây dựng, thường có mức chi phí phù hợp.

Thông qua những nội dung từ bài viết có thể thấy, việc chuyển đổi mô hình kinh doanh, có thể chuyển đổi mô hình lời nhuận, cũng có thể là chuyển đổi mô hình tiếp thị. Quá trình Chuyển đổi chính là chủ động đổi mới, một doanh nghiệp chuyển đổi thành công mô hình kinh doanh, thì các quyết sách đưa ra cũng cần dựa trên sự thay đổi của môi trường bên ngoài, từ đó điều chỉnh mô hình kinh doanh cho doanh nghiệp, đưa mô hình thị trường cũ chuyển đổi sang mô hình thị trường mới và nâng cao lực cạnh tranh chủ yếu của doanh nghiệp mình.

**Khúc Hạ**

*(Trung tâm Thông tin - Bộ Nhà ở và  
xây dựng Đô thị - Nông thôn Trung Quốc)  
Nguồn: Tạp chí Xây dựng Trung Quốc  
số 2/2015*

**ND: Bích Ngọc**

## **Điểm nổi bật trong cải cách và tình hình phát triển ngành Xây dựng thành phố Dương Châu - tỉnh Giang Tô - Trung Quốc**

Những năm gần đây, chính quyền thành phố Dương Châu đã góp phần đưa ngành Xây dựng vào trong danh sách 5 ngành công nghiệp lớn cần tăng cường hỗ trợ và nỗ lực mở rộng thị trường, làm sao để quy mô kinh tế ngành Xây dựng của thành phố Dương Châu tăng trưởng

nhanh, tăng địa vị trong ngành công nghiệp, trở thành ngành công nghiệp thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của toàn thành phố, là ngành công nghiệp chủ lực, đây là việc rất cần được quan tâm và chú trọng.

### **I. Tình hình cơ bản trong phát triển ngành**

**Xây dựng****1. Quy mô ngành Xây dựng ngày càng tăng**

Trong thời gian thực hiện kế hoạch “5 năm lần thứ 11” từ năm 2006 đến năm 2010, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm đạt 28%, tổng giá trị sản lượng của ngành xây dựng năm 2006 là 57,2 tỷ nhân dân tệ (NDT), xếp vị trí thứ 5 trong toàn tỉnh. Năm 2008, giá trị sản lượng vượt trên 100 tỷ NDT, tổng giá trị sản lượng xếp 3 trong toàn tỉnh. Năm 2012 tổng giá trị sản lượng tăng lên là 200 tỷ NDT. Năm 2013, tổng giá trị sản lượng ngành Xây dựng đạt mốc 246 tỷ NDT, trở thành ngành công nghiệp lớn thứ 2, chỉ đứng sau ngành công nghiệp về máy móc và thiết bị.

**2. Tố chất nhân tài của ngành Xây dựng đang được nâng cao rõ rệt**

Trong quá trình hướng dẫn và chỉ đạo doanh nghiệp yêu cầu cần dựa trên “3 rộng” (tầm nhìn rộng, tư tưởng rộng, trí não rộng), tăng cường công tác đào tạo đối với những nhà lãnh đạo trong doanh nghiệp xây dựng, hình thành một nhóm lãnh đạo nổi bật trong ngành công nghiệp. Thiết lập chính sách có hàm lượng khuyến khích cao, thông qua phương thức kết hợp du nhập những kiến thức mới từ bên ngoài và đào tạo từ trong doanh nghiệp, tăng cường đào tạo một loạt đội ngũ quản lý dự án ưu tú, trở thành xương sống phát triển của doanh nghiệp. Bắt đầu từ năm 2007 thực hiện chính sách đăng ký kiến trúc sư xây dựng, thành phố Dương Châu chỉ có 889 người là kỹ sư xây dựng cấp I, 1.785 kỹ sư xây dựng cấp II. Hiện nay, toàn tỉnh đã có 2.713 kỹ sư xây dựng cấp I và 9.373 kỹ sư xây dựng cấp II, các thành phần nhân viên kỹ thuật khác vào khoảng 90 nghìn người, trong đó thành phố Dương Châu chiếm khoảng 14% trong tổng số người trong ngành xây dựng của toàn thành phố, tố chất đội ngũ nhân tài ngày được nâng cao rõ rệt.

**3. Thành quả đổi mới của ngành Xây dựng ngày càng thể hiện rõ**

Đổi mới công nghệ là lực lượng sản xuất đầu tiên, chất lượng công trình là sinh mệnh để phát triển ngành xây dựng. Ngành xây dựng thành phố Dương Châu luôn xem việc quản lý chất lượng công trình và đổi mới mô hình công nghệ làm nhiệm vụ quan trọng cần thực hiện, tích cực thúc đẩy ngành xây dựng tạo ra những sản phẩm tốt nhất, thiết lập thương hiệu cho riêng mình, lấy mục tiêu hiệu quả chất lượng làm con đường phát triển của doanh nghiệp. Hàng năm, chính quyền thành phố đều thực hiện công tác khảo sát mục tiêu triển khai ngành xây dựng đổi mới với chính quyền các Huyện (khu vực), duy trì hoàn thiện tình hình đổi mới công nghệ và chất lượng tốt và xem đây là một hạng mục nội dung quan trọng mà các huyện (khu vực) cần xem xét, nỗ lực để tạo ra một bầu không khí tốt nhất về ngành xây dựng trong toàn thành phố. Đến cuối năm 2013, ngành Xây dựng Dương Châu đã có 41 dự án xây dựng được nhận giải Lễ Ban, 40 dự án công trình đạt chất lượng công trình Quốc gia, 3 công trình nhận giải thưởng Chiêm Thiên Hựu, 37 hạng mục dự án giành các loại giải thưởng chuyên nghiệp và tốt nhất quốc gia.

**II. Những khó khăn mà ngành xây dựng phát triển phải đối mặt**

Những năm gần đây, ngành Xây dựng thành phố Dương Châu, từ các phương diện quy mô công nghiệp, số lượng doanh nghiệp, đào tạo nhân tài, công nghệ tiến bộ... đều đạt được thành tích đáng khích lệ, nhưng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xây dựng trong thành phố Dương Châu so với thị trường của ngành Xây dựng trong nước hay trên thị trường xây dựng ở nước ngoài vẫn chưa đủ mạnh, so với các thành phố Nam Thông, Nam Kinh... của tỉnh Giang Tô về phương diện quy mô công nghiệp còn tồn tại một khoảng cách lớn, qua đó có thể thấy, vấn đề làm ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành xây dựng thành phố Dương Châu chủ yếu biểu hiện ở một số khía cạnh sau:

### **1. Mức độ thấp về trình độ, lực cạnh tranh trên thị trường không mạnh**

Những năm gần đây, chính quyền thành phố Dương Châu luôn duy trì việc hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng trở nên lớn mạnh hơn, đồng thời không ngừng nỗ lực trong việc nâng cao các cấp trình độ chuyên môn, giúp các doanh nghiệp nâng cao trình độ của mình. Nhưng tình trạng trình độ của các doanh nghiệp vẫn thấp, thậm chí còn không có sự thay đổi rõ rệt. Thành phố Dương Châu hiện có 432 doanh nghiệp tổng thầu, 49 doanh nghiệp tổng thầu cấp I; trong khi đó, thành phố Nam Thông có 95 doanh nghiệp tổng thầu cấp I; Thành phố Nam Kinh có 114 doanh nghiệp tổng thầu cấp I; Thành phố Tô Châu có 87 doanh nghiệp tổng thầu cấp I, số lượng doanh nghiệp có trình độ tổng thầu cấp I ít hơn so với mức bình thường, lực cạnh tranh không mạnh. Hiện nay chỉ có doanh nghiệp xây dựng Giang Đô (52,3 tỷ nhân dân tệ) và Doanh nghiệp xây dựng Giang Tô (21,1 tỷ nhân dân tệ) là có giá trị sản lượng hàng năm vượt trên 20 tỷ nhân dân tệ, vượt mức 10 tỷ nhân dân tệ chỉ có 5 doanh nghiệp, ít có doanh nghiệp nào dẫn đầu giống doanh nghiệp xây dựng Nam Thông có giá trị sản lượng hàng năm vượt mức 35 tỷ nhân dân tệ. Trình độ doanh nghiệp xây dựng thấp sẽ làm hạn chế tốc độ phát triển của doanh nghiệp.

### **2. Doanh nghiệp chịu nhiều gánh nặng, tỷ lệ lợi nhuận và giá trị sản xuất thấp**

Tỷ lệ lợi nhuận và giá trị sản xuất bình quân hàng năm của các doanh nghiệp xây dựng của tỉnh Giang Tô là 4,1%, trong đó, tỷ lệ lợi nhuận và giá trị sản xuất bình quân hàng năm của các doanh nghiệp xây dựng thành phố Dương Châu là 3,2%, thấp hơn so với mức độ bình quân năm của toàn tỉnh, thấp hơn 2 điểm so với tỷ lệ lợi nhuận và giá trị sản xuất bình quân hàng năm của thành phố Nam Kinh. Nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận thấp là do:

*Một là*, năng lực sản xuất của ngành công nghiệp xây dựng dư thừa, thị trường xây dựng

không đạt tiêu chuẩn, dẫn đến doanh nghiệp xây dựng cạnh tranh một cách khốc liệt, những dự án trúng thầu giá thấp đã rút ngắn không gian lợi nhuận của doanh nghiệp.

*Hai là*, gánh nặng về thuế của doanh nghiệp xây dựng, mức thuế cao cũng chèn ép không gian tồn tại của doanh nghiệp xây dựng, hầu hết các doanh nghiệp đều trong trạng thái bị lợi nhuận thấp điều hành.

Hiện nay, các doanh nghiệp xây dựng phải chịu một số khoản chi phí như: tiền đảm bảo đấu thầu công trình, tiền đảm bảo hiệu suất, tiền đảm bảo chất lượng, tiền đảm bảo tiền lương cho người lao động nhập cư... số tiền đảm bảo này chiếm khoảng 10% trong tổng giá trị công trình, chiếm một phần tiền lưu động của doanh nghiệp. Một số khoản tiền đảm bảo đã trở thành giống như bước đệm trong xây dựng, thời hạn hoàn trả lại gần như kéo dài vô thời hạn, thông thường tiền đảm bảo đầu tư bị kéo dài là để đảm bảo hiệu suất và đảm bảo chất lượng, được trích từ quỹ vốn của dự án và do bên A lưu giữ cho đến khi hết thời gian bảo hành, bên A sẽ hoàn trả lại cho bên B, với cách làm này đã dẫn đến việc gần như là nợ vô thời hạn và đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất và quản lý của doanh nghiệp xây dựng.

### **III. Những gợi ý thúc đẩy ngành Xây dựng phát triển bền vững**

#### **1. Doanh nghiệp cần tối ưu hóa cơ cấu trình độ và nâng cao lực cạnh tranh**

Tiếp tục nâng cao trình độ quản lý, đảm bảo phát huy trình độ quản lý đối với quy mô điều chỉnh và kiểm soát của toàn ngành, tối ưu hóa vai trò kết cấu, hướng dẫn doanh nghiệp làm rõ khai về các loại trình độ năng lực phù hợp với chính sách ngành công nghiệp và phương hướng phát triển. Để nâng cấp trình độ, yêu cầu doanh nghiệp cần giúp đỡ lẫn lẫn nhau, hoàn thiện các điều kiện, nhanh chóng trình báo; đối với những doanh nghiệp chưa đáp ứng đầy đủ cho việc nâng cấp, nhưng chất lượng phát triển tương đối tốt, hay những doanh nghiệp đã sẵn

sàng cho việc nâng cấp, chính quyền các cấp cần tạo điều kiện hỗ trợ. Thông qua việc tối ưu hóa sắp xếp, phân công hợp lý, đổi mới công nghệ, sẽ giúp các doanh nghiệp tổng thầu trở nên chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao trong công việc. Thông qua thị trường cạnh tranh, sẽ thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ một cách tận tình và đổi mới trong công tác quản lý.

## **2. Miễn giảm tiền đảm bảo không hợp lý, giảm nhẹ gánh nặng cho doanh nghiệp**

Ngành Xây dựng là ngành công nghiệp tập trung lao động, là một kênh quan trọng để chuyển dịch lực lao động từ vùng nông thôn lên thành phố. Chính phủ cần phối hợp sắp xếp và có chính sách hỗ trợ, có thể chuyển đổi tiền

đảm bảo đầu tư, tiền đảm bảo hiệu suất, tiền đảm bảo chất lượng, tiền đảm bảo tiền lương cho người lao động thành hình thức bảo hành, đồng thời có các điều kiện rõ ràng, có thể sử dụng hình thức thế chấp để thay cho sử dụng tiền mặt, như vậy sẽ có hiệu quả trong việc giảm vấn đề căng thẳng về tiền mặt của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tránh khỏi tình trạng đóng băng tiền mặt như hiện nay.

**Trương Tịnh**

*(Sở Nhà ở và xây dựng đô thị - nông thôn,  
thành phố Dương Châu)*

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng số 4/2015*

**ND: Bích Ngọc**



# HỘI NGHỊ BIỂU DƯƠNG ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN LAO ĐỘNG GIỎI, LAO ĐỘNG SÁNG TẠO TOÀN QUỐC NGÀNH XÂY DỰNG NĂM 2015

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2015



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Lễ trao tặng Bằng khen và các phần thưởng thi đua cho các cá nhân xuất sắc